



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

**2**

**Tháng 01 - 2014**

# **BỘ XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC HỢP TÁC ĐỨC KÝ KẾT BIÊN BẢN THỎA THUẬN THỰC HIỆN "DỰ ÁN THOÁT NƯỚC VÀ CHỐNG NGẬP ÚNG CÁC ĐÔ THỊ QUY MÔ VỪA VÙNG DUYÊN HẢI VIỆT NAM NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU"**

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2014



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu  
tại Lễ ký kết



Toàn cảnh Lễ ký kết

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

**2**

**SỐ 2 - 01/2014**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Nghị định số 207/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa 5  
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp  
đồng trong hoạt động xây dựng
- Quyết định số 2341/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 6  
phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -  
xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến  
năm 2030
- Quyết định số 2622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 8  
phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -  
xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến  
năm 2030
- Quyết định số 2631/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 9  
phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -  
xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn  
đến năm 2025

#### **Văn bản của địa phương**

- Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh 13  
Bạc Liêu ban hành Quy định về cấp giấy phép xây  
dựng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
- Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh 15  
Ninh Bình ban hành Quy trình thẩm tra thiết kế xây  
dựng công trình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

### Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

### Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sản xuất dầu đốt từ các nguồn phế thải nhựa góp phần tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường (MS: RD - 28) 17
- Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Vĩnh Điện mở rộng, tỉnh Quảng Nam đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV 19
- Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang là đô thị loại II 20
- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu chế tạo vữa cho công nghệ phun vữa trát tường trần trong công nghệ xây dựng 22
- Góp ý kiến cho Đồ án Quy hoạch chung Thành phố Bạc Liêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 24
- Kiểm soát ngăn ngừa rò rỉ nước - Kinh nghiệm từ Tokyo, Nhật Bản 25

### Thông tin

- Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị và Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng thăm và kiểm tra Dự án nhà ở xã hội Đặng Xá II 28
- Lễ trao tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng cho Tham tán Xây dựng Hàn Quốc tại Việt Nam 30
- Lễ ra mắt Viện Kiến trúc quốc gia 31
- Hội nghị cán bộ viên chức và tổng kết công tác năm 2013 của Viện Vật liệu xây dựng 33
- Hội nghị triển khai công tác năm 2014 của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị 35
- Cơ sở khoa học của công tác cải cách thể chế trong lĩnh vực phát triển đô thị ở Liên bang Nga 37
- Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng: Họp Tổ chuyên gia liên ngành về Chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch 42
- Mô hình xây dựng nông thôn mới tại thôn Trúc Giang - Quế Lâm Trung Quốc 46



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Nghị định số 207/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng**

Ngày 11/12/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 207/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Nghị định này đã bổ sung Khoản 8 vào Điều 4 về nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng. Cụ thể, hợp đồng xây dựng chỉ được ký kết khi bên giao thầu đã có kế hoạch vốn để thanh toán cho bên nhận thầu theo tiến độ thanh toán của hợp đồng, trừ các công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp.

Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 vào Điều 15 như sau: Điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng được quy định như sau: Đối với hợp đồng trọn gói, giá gói thầu, giá hợp đồng phải tính toán đầy đủ các yếu tố rủi ro có liên quan như trượt giá trong thời gian thực hiện hợp đồng và các bên phải tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình liên quan đến giá hợp đồng. Giá hợp đồng trọn gói chỉ áp dụng cho các gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết hợp đồng đã đủ điều kiện để xác định rõ về khối lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện và đơn giá để thực hiện các công việc hoặc trong một số trường hợp không thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá (như hợp đồng EC, EP, EPC và hợp đồng tổng thầu chìa khóa trao tay) nhưng bên nhận thầu có đủ năng lực kinh nghiệm để tính toán, xác định giá hợp đồng trọn gói. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá cho các công việc theo hợp đồng phải tính toán đầy đủ các yếu tố rủi ro có liên quan như trượt giá

trong thời gian thực hiện hợp đồng và các bên phải tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình liên quan đến đơn giá để thực hiện công việc. Giá hợp đồng theo đơn giá cố định chỉ áp dụng cho các gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết hợp đồng đã đủ điều kiện để xác định rõ về chất lượng, tiến độ thực hiện và đơn giá để thực hiện các công việc, nhưng chưa xác định được chính xác khối lượng công việc. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, chỉ áp dụng cho các gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết hợp đồng chưa đủ điều kiện để xác định rõ về khối lượng và yếu tố trượt giá trong đơn giá để thực hiện các công việc của hợp đồng. Giá hợp đồng theo thời gian và tỉ lệ (%) áp dụng đối với các hợp đồng có công việc tư vấn đầu tư xây dựng (trừ công việc khảo sát xây dựng) và hoạt động bảo hiểm trong xây dựng.

Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 16 về bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng như sau: Trước khi bên giao thầu thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho bên nhận thầu thì bên nhận thầu phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng; trường hợp bên nhận thầu là liên danh các nhà thầu thì từng thành viên trong liên danh phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên, trừ trường hợp các thành viên trong liên danh thỏa thuận để nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo lãnh tạm ứng hợp

đồng cho bên giao thầu. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu.

Ngoài ra, Nghị định này còn bổ sung Điểm d vào Khoản 4 Điều 17 về tạm ứng hợp đồng

xây dựng. Cụ thể, đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, không điều chỉnh giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền tạm ứng hợp đồng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2014.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 2341/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

Ngày 02/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2341/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Theo Quyết định này, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực, đảm bảo có vai trò đóng góp vào tăng trưởng đối với tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng cũng như cả vùng đồng bằng sông Hồng ngày càng tăng lên; huy động cao nhất các nguồn lực để phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, nâng cao chất lượng tăng trưởng, ưu tiên phát triển và xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, tạo nguồn thu cho ngân sách. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo nhanh, tạo việc làm, từng bước giảm dần chênh lệch mức sống giữa các khu vực, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững không những trong phạm vi tỉnh mà cả khu vực lân cận hướng tới hình thành một tỉnh xanh, sạch về môi trường vào cuối những năm 2020, đầu những năm 2030. Phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Quy hoạch đã đề ra các mục tiêu cụ thể. Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 13,3%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 là 13%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13,5%/năm, thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 12,7%/năm. Đến năm 2015, cơ cấu kinh tế các ngành nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tương ứng là 26,0%, 39,5% và 34,5%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 39 - 40 triệu đồng; thu ngân sách tăng khoảng 17%/năm; giá trị xuất khẩu tăng khoảng 11%/năm. Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế các ngành nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tương ứng là 13,0%, 45,7% và 41,3%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 86 triệu đồng, thu ngân sách tăng khoảng 15%/năm, giá trị xuất khẩu tăng khoảng 15%/năm. Định hướng đến năm 2030, tỉ trọng

nông lâm ngư nghiệp giảm xuống dưới 10%, tỉ trọng phi nông nghiệp tăng trên 90% trong cơ cấu kinh tế.

Về xã hội, phấn đấu giảm tỉ lệ hộ nghèo 1 - 2%/năm, mỗi năm giải quyết được 30 - 40 nghìn lượt lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp ở đô thị và ổn định ở mức 3 - 4%. Đến năm 2015, trên 60% lao động qua đào tạo, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 25%, giảm dần tỉ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 52%. Đến năm 2020, trên 75% lao động qua đào tạo, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 35%, tỉ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 35%.

Về bảo vệ môi trường, đảm bảo các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, trên 95% chất thải rắn (CTR) được thu gom, trên 90% chất thải nguy hại được xử lý, mỗi xã có ít nhất 1 bãi chôn lấp rác thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Đến năm 2015 có 95% dân số nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đạt 100% vào năm 2020.

Về bảo đảm an ninh quốc phòng, xây dựng quốc phòng vững mạnh, bảo đảm ổn định vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tạo bước chuyển biến mới rõ rệt về trật tự, an toàn xã hội, nếp sống đô thị, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

Quy hoạch này định hướng phát triển hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu vận tải của toàn xã hội với chất lượng ngày càng cao, đảm bảo an toàn giao thông, bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và khai thác giao thông vận tải, kết hợp phát triển giao thông nội tỉnh với giao thông liên tỉnh của vùng và quốc gia. Về hệ thống cấp thoát nước, phấn đấu đến năm 2020 có 100% dân số đô thị được dùng nước sạch với tiêu chuẩn 100 - 120 lít/người/ngày, 100% dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, nước thải tại thành phố Nam Định, đảm bảo nước thải bệnh viện và khu công nghiệp được

xử lý đáp ứng tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung. Về xử lý CTR, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, kết hợp hài hòa giữa phòng ngừa, ngăn chặn xử lý ô nhiễm, phục hồi, cải tạo và bảo vệ, bảo tồn, trong đó lấy phòng ngừa và phục hồi tái tạo là chính, xong không xem nhẹ xử lý sự cố môi trường.

Về phát triển đô thị, định hướng phát triển thành phố Nam Định trở thành trung tâm của vùng Nam đồng bằng sông Hồng; nâng cấp thị trấn Quất Lam lên thị xã giai đoạn 2013 - 2015, thị trấn Thịnh Long lên thị xã trong giai đoạn 2016 - 2020 và tiến tới thành lập thành phố Thịnh Long; đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa của tỉnh, mở rộng các đô thị hiện có và xây dựng đô thị mới, khu đô thị mới gắn với phát triển các khu công nghiệp, đầu mối giao thông, các trung tâm thương mại, dịch vụ.

Về phát triển nông thôn, tập trung nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên toàn tỉnh, đến năm 2015 cơ bản hoàn thành xây dựng 96 xã đạt tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015, tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới cho 113 xã còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn trong vùng theo hướng đẩy mạnh phát triển dịch vụ, ngành nghề, gắn với việc tổ chức tiêu thụ hàng hóa cho nông dân, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Quy hoạch cũng đề ra các giải pháp thực hiện, bao gồm giải pháp về huy động các nguồn vốn đầu tư, giải pháp cơ chế chính sách, giải pháp về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Quyết định số 2622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

Ngày 31/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2622/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Theo Quyết định này, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực. Phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phù hợp với các mục tiêu của chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam. Cơ cấu nền kinh tế từng bước chuyển dịch từ các hoạt động “nâu” sang “xanh”, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ và các ngành công nghiệp phi khai khoáng, đồng thời đảm bảo hoạt động khai thác than được sạch hơn và bền vững hơn. Phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nâng cao mức sống của người dân, đảm bảo phát triển và công bằng xã hội giữa các tầng lớp nhân dân, giữa khu vực nông thôn với thành thị và giữa các địa phương trong tỉnh.

Về mục tiêu, phấn đấu đến năm 2020, xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế, là một trong những đầu tàu kinh tế của miền Bắc và cả nước với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, giảm nghèo bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo giữ gìn và bảo vệ môi trường bền vững. Giữ gìn và phát huy tốt bản sắc dân tộc, bảo tồn và phát huy bền vững di sản, kỳ quan

thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long và những khác biệt, đặc sắc của Vịnh Bái Tử Long, phấn đấu trở thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Cụ thể, về kinh tế, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 12% - 13%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 9,5% - 10,5%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14% - 15%/năm; giai đoạn 2020 - 2030 đạt khoảng 6,7%/năm. Cơ cấu GDP năm 2015, dịch vụ chiếm 45,0% - 45,5%, công nghiệp và xây dựng chiếm 49,0% - 49,5%, nông nghiệp chiếm 5,0% - 5,5%. Năm 2020, dịch vụ chiếm 51% - 52%, công nghiệp và xây dựng chiếm 45% - 46%, nông nghiệp chiếm 3% - 4%. Đến năm 2030, dịch vụ chiếm khoảng 51%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 46%, nông nghiệp chiếm khoảng 3%.

Về văn hóa xã hội, giáo dục đào tạo, tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia mới) giảm 1,1%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 0,7%/năm giai đoạn 2016 - 2020, tỉ lệ thất nghiệp thành thị duy trì ở mức dưới 4,3%. Về bảo vệ môi trường, đến năm 2015, thu gom 90% chất thải rắn ở đô thị, 100% các khu công nghiệp và các mỏ than, nhà máy, bệnh viện và các trung tâm du lịch có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, tỉ lệ che phủ rừng tăng lên 53,5%, tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 95%. Đến cuối năm 2020, trên 90% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý, 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường, 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng xử lý chất thải đạt



tiêu chuẩn môi trường, tỉ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt 100%/năm, tỉ lệ che phủ rừng tăng lên 55%, tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 98%.

Về xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến năm 2015 cơ bản là tỉnh đạt các tiêu chí về nông thôn mới, 60% các xã cơ bản đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới theo quy định; đến năm 2020 là 80% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, những xã còn lại sẽ đạt tiêu chuẩn nông thôn mới cho tiêu chí phát triển cơ sở hạ tầng và tỉ lệ nghèo đói.

Về cấp nước, ưu tiên đầu tư các dự án cấp nước cho các khu vực phía Đông Hạ Long thành phố Cẩm Phả, phía Tây Hạ Long - Hoàn Bồ - Uông Bí, khu vực Đông Triều - Mạo Khê, cấp nước khu vực Móng Cái và cấp nước cho các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh, đặc biệt khu công nghiệp cảng biển Hải Hà, khu công nghiệp dịch vụ Đầm Nhà Mạc. Nghiên cứu lập kế hoạch đối với các dự án cấp nước sau đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng.

Về tổ chức không gian kinh tế - xã hội, tổ chức không gian lãnh thổ Quảng Ninh theo hướng "một tâm, hai tuyến đa chiều và hai mũi đột phá" nhằm bảo đảm mục tiêu liên kết, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh cũng như thế mạnh của Tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế

trọng điểm Bắc Bộ. Theo định hướng này, Hạ Long là tâm, hai tuyến đa chiều là tuyến hành lang phía Tây và tuyến hành lang phía Đông, hai mũi đột phá là khu kinh tế Vân Đồn và Móng Cái.

Về phát triển mạng lưới đô thị, giai đoạn đến năm 2015, nâng cấp thành phố Móng Cái lên đô thị loại II, phát triển mở rộng và kết nối đô thị Mạo Khê và Đông Triều của huyện Đông Triều đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, nâng cấp thị trấn Tiên Yên lên đô thị loại IV, xây dựng Tiên Yên trở thành đô thị trung tâm tiểu vùng có chức năng tổng hợp, liên kết, hỗ trợ với các trung tâm vùng và là khu vực trung chuyển hàng hóa qua biên giới, dịch vụ hậu cần cho các khu kinh tế Móng Cái, Vân Đồn. Giai đoạn đến năm 2020, nâng cấp thành phố Cẩm Phả lên đô thị loại II, các thị trấn Thới (huyện Hoàn Bồ), Cô Tô (huyện Cô Tô) nâng cấp lên đô thị loại IV. Nghiên cứu nâng cấp thị trấn Quảng Hà (Hải Hà), thị trấn Đầm Hà, thị trấn Bình Liêu lên đô thị loại IV, đô thị Quảng Yên lên đô thị loại III, thành lập mới đô thị Hoàn Mô (Bình Liêu) khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 2631/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

Ngày 31/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2631/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Quan điểm của Quy hoạch này là tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu

hạ tầng đô thị, phát triển đồng bộ các loại hình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng của đô thị đặc biệt, phát triển đồng bộ giữa xây dựng mới với cải tạo và chỉnh trang đô thị, xây dựng thành phố hiện đại, giàu bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc, phát huy tối đa thế mạnh đặc thù sông nước của

thành phố; thực hiện phát triển bền vững, gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với thích ứng biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội thành phố với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và quốc tế.

Về mục tiêu, xây dựng thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn đối với khu vực và cả nước, từng bước trở thành trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của đất nước và khu vực Đông Nam Á, góp phần tích cực đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm văn hóa, thể thao, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Vùng và cả nước; đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Cụ thể, về kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt từ 10% - 10,5%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt từ 9,5% - 10%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 8,5% - 9%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp (cơ cấu kinh tế đến năm 2015: khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng từ 56,41% - 57,41%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng từ 41,65% - 42,63%, khu vực nông nghiệp chiếm tỉ trọng từ 0,94% - 0,96%; đến năm 2020, khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng từ 58,16% - 60,07%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng từ 39,19 - 41,07% và nông nghiệp chiếm tỉ trọng từ 0,74% - 0,78%; đến năm 2025, khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng từ 58,29% - 61,10%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng từ

38,29% - 41,05% và khu vực nông nghiệp chiếm tỉ trọng từ 0,61% - 0,66%). Về xã hội, phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo và y tế chất lượng cao, ngang tầm với các nước phát triển khu vực Đông Nam Á; đẩy mạnh xã hội hóa để đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao để có khả năng đáp ứng nhu cầu chuyên môn cao cho cả khu vực phía Nam. Về hạ tầng kỹ thuật giao thông, xây dựng và từng bước hoàn chỉnh, hiện đại hóa mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, đảm bảo cho thành phố phát triển ổn định, cân bằng, bền vững, góp phần đưa thành phố Hồ Chí Minh trở thành đầu mối giao thông quan trọng của vùng, cả nước và khu vực Đông Nam Á; triển khai thực hiện và hoàn thành các quy hoạch chi tiết chuyên ngành cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, quy hoạch tổ chức giao thông đô thị và triển khai thực hiện sau khi các quy hoạch được phê duyệt; tỉ lệ đất giao thông trên đất đô thị đến năm 2015 đạt khoảng 8,2%, đến năm 2020 đạt khoảng 12,2% và đến năm 2025 đạt khoảng 16 - 20% (để đảm bảo duy trì tỉ lệ này ở mức độ tương đối giữa các khu vực khác nhau, kể cả khu đô thị mới và khu vực lõi của thành phố, quan điểm phát triển tại khu vực lõi trung tâm sẽ được ưu tiên xây dựng các cầu vượt, đường trên cao, đường hầm, qua đó góp phần nâng tổng diện tích giao thông tại khu vực này). Về cấp điện, đảm bảo phát triển cân đối, đồng bộ giữa nguồn, lưới điện và nhu cầu phụ tải, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cho từng giai đoạn; đến năm 2015 đạt tỉ lệ ngầm hóa trên 30% lưới điện trung thế và 20% lưới điện hạ thế, trong đó khu vực trung tâm thành phố đạt ngầm hóa 90% lưới điện trung thế và 50% lưới điện hạ thế. Đến năm 2020 cơ bản ngầm hóa lưới điện nội thành hiện hữu và đến năm 2025 cơ bản hoàn thành ngầm hóa ở các trung tâm hành chính huyện, khu đô thị mới, khu công nghiệp. Về cấp nước,

đến năm 2015, tỉ lệ dân cư được cấp nước sạch đạt 100% đối với khu vực nội thành cũ và 98% đối với khu vực nội thành mới, khu vực ngoại thành và đến năm 2025 đạt 100%. Chỉ tiêu nước sinh hoạt bình quân đầu người đạt 152 lít/người/ngày vào năm 2015, đạt 170 lít/người/ngày vào năm 2020 và đạt 180 lít/người/ngày vào năm 2025. Tỉ lệ thất thoát nước giảm còn 32% vào năm 2015, 28% vào năm 2020 và 25% vào năm 2025. Mở rộng phạm vi bao phủ dịch vụ cấp nước ra ngoại thành, cải thiện và nâng cao điều kiện vệ sinh, sức khỏe nhân dân vùng nông thôn; đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước của thành phố cho các giai đoạn phù hợp với định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt nam đến năm 2025 và tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 đối với đô thị đặc biệt. Về thoát nước, hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát tốt, từng bước giảm tình trạng ngập nước. Giai đoạn 2011 - 2015, giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do mưa và triều tại khu vực trung tâm, phấn đấu xóa các điểm ngập do mưa hiện hữu, kéo giảm tình trạng ngập nước lưu vực bắc Tàu Hủ, Tân Hóa - Lò Gốm, khắc phục tình trạng ngập do thi công, hạn chế phát sinh các điểm ngập mới. Đối với 5 vùng thoát nước còn lại, phấn đấu giảm 70% các điểm ngập nước do mưa, 50% các điểm ngập do triều, kiểm soát, ngăn chặn không cho phát sinh các điểm ngập mới. Phấn đấu đến cuối năm 2015 cơ bản hoàn thành chương trình giải tỏa nhà lụp xụp trên và ven kênh, rạch để tiến hành nạo vét, thoát nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước. Xây dựng mới 1.100 km đường cống thoát nước. 80% nước thải bệnh viện và nước thải các cơ sở công nghiệp được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả vào cống chung. 805 hộ dân đô thị được kết nối hệ thống thoát nước và 60% nước thải sinh hoạt được xử lý. Giai đoạn 2016 - 2020, giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do mưa tại 5 vùng thoát nước và phần diện tích còn lại của thành phố vào năm 2020. Mở rộng khu

vực bảo vệ chống ngập ngoài phạm vi nghiên cứu quy hoạch tiêu thoát nước. Đến năm 2020 hoàn thành cơ bản chương trình chỉnh trang đô thị dọc hai bên bờ kênh, rạch, tăng diện tích vùng đệm điều tiết nước, tạo cảnh quan đô thị. Xây dựng bổ sung 1.900 km đường cống thoát nước. 100% nước thải bệnh viện và nước thải các cơ sở công nghiệp được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả vào cống chung. 90% hộ dân đô thị được kết nối hệ thống thoát nước và 80% nước thải sinh hoạt được xử lý. Giai đoạn 2021 - 2025, giải quyết triệt để tình trạng ngập nước do mưa, giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do lũ và triều, có xét đến hiện tượng mực nước biển dâng cao trong tương lai trên toàn địa bàn thành phố. 100% hộ dân đô thị được kết nối hệ thống thoát nước và 100% nước thải sinh hoạt được xử lý.

Về thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường, xây dựng các kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các loại tài nguyên, bảo vệ nghiêm ngặt môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo sự phát triển bền vững của thành phố. Từng bước cải thiện môi trường nhằm giảm mức độ ô nhiễm môi trường đến mức đảm bảo các yêu cầu về môi trường trong sạch theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững của thành phố và các tỉnh lân cận. Đến năm 2015 có 100% cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường; 100% tổng lượng chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại được lưu giữ, thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó có phân loại, tái chế và tái sử dụng, 100% kênh rạch không có rác, được nạo vét cải tạo môi trường và khơi thông dòng chảy, 90% khu đô thị mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 50% khu đô thị hiện hữu có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, giảm 80% mức độ ô nhiễm nguồn nước tại khu

vực nội thành, 60% mức độ ô nhiễm khu vực ngoại thành. Giảm thiểu 70% mức độ ô nhiễm không khí, tiếng ồn do sản xuất, 50% ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông vận tải. 100% người dân thành phố được phổ biến, tuyên truyền về bảo vệ môi trường. Đến năm 2020, phấn đấu 100% khu đô thị mới và 70% khu đô thị hiện hữu có hệ thống nước thải tập trung; đến năm 2025, phấn đấu 100% khu đô thị hiện hữu có hệ thống nước thải tập trung.

Về định hướng cấp nước, đảm bảo tổng công suất cấp nước từ hệ thống cấp nước chính vào năm 2015 đạt 2.510.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2020 đạt 3.100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và năm 2025 đạt 3.700.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; có các biện pháp kiểm soát và hạn chế dần việc khai thác nước ngầm để đến năm 2015 chỉ còn khai thác từ các giếng công nghiệp đã được cấp phép và giếng khoan hộ gia đình khoảng 330.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2020 khoảng 200.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2025 chỉ còn khai thác quy mô công nghiệp với lưu lượng khoảng 100.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và ngưng hoàn toàn việc khai thác giếng khoan công nghiệp quy mô nhỏ và giếng khoan hộ gia đình; phát triển mạng lưới truyền dẫn và phân phối nước đồng bộ với công suất các Nhà máy nước cho từng giai đoạn; phát triển mạng lưới cấp nước đảm bảo áp lực nước hợp lý trên địa bàn, đảm bảo cấp nước cho các hộ dân theo mục tiêu đã đề ra cho các giai đoạn. Về định hướng thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước dựa trên quan điểm hòa hợp với thiên nhiên, kiểm soát triều và lũ, tăng diện tích cây xanh, thảm cỏ, bảo vệ và mở rộng các hồ điều tiết, giữ tối đa các khu vực trữ chứa nước để giảm sự gia tăng dòng chảy, bảo vệ sông rạch để hỗ trợ tiêu thoát nước và tạo cảnh quan đô thị; phát triển hệ thống thoát nước phù hợp với sự phát triển của thành phố, đảm bảo sự phát triển đồng bộ giữa các khu vực và các ngành cơ sở hạ tầng khác trên cơ sở định hướng phát triển thoát nước đô thị Việt Nam đến 2020 đã được Thủ

tướng Chính phủ phê duyệt.

Về phát triển nhà ở, định hướng phát triển 5 chương trình nhà ở, bao gồm: Chương trình thay thế chung cư hỏng, xuống cấp (dự kiến sẽ tiến hành di dời, xây mới để đến năm 2015 không còn tình trạng chung cư cũ hết hạn sử dụng trên địa bàn thành phố); chương trình nhà ở xã hội (bao gồm 6 chương trình nhánh như nhà ở cho cán bộ công chức thành phố, chương trình nhà ở cho người có công với cách mạng, chương trình nhà lưu trú công nhân, chương trình ký túc xá sinh viên, chương trình nhà ở thu nhập thấp và chương trình nhà ở cho người nghèo); chương trình xây dựng căn hộ tái định cư (tiếp tục thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án đang triển khai đầu tư xây dựng và các dự án mới, đáp ứng nhu cầu tái định cư đến năm 2025); chương trình di dời các hộ dân sống trên và ven kênh rạch (phấn đấu cơ bản hoàn thành di dời các hộ trên và ven kênh rạch trong giai đoạn 2011 - 2015); chương trình nhà ở công vụ (nghiên cứu xây dựng nhà ở công vụ đáp ứng yêu cầu ở, sinh hoạt cho cán bộ các cấp khi thực hiện nhiệm vụ nhà nước từ nay đến 2025).

Theo Quy hoạch này, mô hình phát triển thành phố là mô hình tập trung - đa cực, khu vực trung tâm là khu vực nội thành với bán kính 15 km và 4 cực phát triển: Phát triển thành phố theo hướng đa tâm với trung tâm tổng hợp tại khu vực trung tâm hiện hữu và khu đô thị mới Thủ Thiêm, bốn trung tâm cấp thành phố tại bốn hướng phát triển; phát triển thành phố với hai hướng chính là hướng Đông và hướng Nam; không phát triển đô thị tại vùng bảo tồn nghiêm ngặt và vùng phục hồi sinh thái thuộc khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn Cần Giờ trong khu dự trữ sinh quyển ở Cần Giờ, các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn các huyện Bình Chánh và Củ Chi; phát triển đô thị gắn với mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Về tổ chức không gian lãnh thổ khu vực nông thôn, tập trung đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới;

xây dựng một số khu đô thị tạo động lực phát triển các huyện ngoại thành. Mô hình ở phù hợp với đặc thù nhiều sông nước, điều kiện địa hình, địa chất thủy văn, đảm bảo phát triển bền vững. Xác định quy mô diện tích và bảo vệ các khu vực đất nông nghiệp không được chuyển đổi chức năng và quỹ đất dành cho hệ thống cây xanh, công viên của thành phố phục vụ du lịch sinh thái, vui chơi, giải trí. Quản lý chặt chẽ quỹ đất dành cho đầu tư xây dựng các khu và cụm công nghiệp tập trung để bảo vệ môi trường.

Quyết định này quy định sau khi Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND thành phố tổ chức công bố quy hoạch theo quy định; rà soát, lập mới quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, các quy hoạch chi tiết, phối hợp các

ngành trong quá trình thực hiện quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch phát triển ngành. Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 tiến hành lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; giám sát, kiểm tra việc thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch, tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành và địa phương trong thực hiện quy hoạch; tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch từng thời kỳ vào cuối mỗi kỳ quy hoạch, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp tình hình thực tế.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

Ngày 30/12/2013, UBND tỉnh Bạc Liêu đã có Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Theo Quy định này, về nguyên tắc, trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có Giấy phép xây dựng, trừ các trường hợp không phải xin giấy phép xây dựng được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng. Việc cấp giấy phép xây dựng công trình và nhà ở riêng lẻ phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư. Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện theo quy định của pháp

luật, thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định. Đối với nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 250 m<sup>2</sup>, dưới 3 tầng và không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa thì chủ đầu tư được tự tổ chức thiết kế xây dựng và tự chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các công trình lân cận. Đối với các công trình xây dựng trước khi Luật Xây dựng có hiệu lực mà phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt nhưng chưa phù hợp về kiến trúc hoặc không phù hợp với quy hoạch được duyệt thì thực hiện theo Quyết định số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Điều 121 Luật Xây dựng năm 2003.

Về cấp giấy phép xây dựng, UBND tỉnh ủy

quyền cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình: Công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình tín ngưỡng; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng, công trình trùng tu, tôn tạo; công trình quảng cáo; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc dự án mà theo quy định phải xin cấp giấy phép xây dựng; các công trình khác bao gồm công trình công nghiệp được xây dựng bên ngoài khu, cụm công nghiệp và các cơ sở nuôi chim yến, các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật. UBND tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép công trình xây dựng tại các khu công nghiệp, trừ các công trình nêu trên. UBND các huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị thuộc địa giới hành chính do mình quản lý. UBND các xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt tại những khu vực theo quy định của UBND cấp huyện khi xây dựng phải có giấy phép xây dựng thuộc địa giới hành chính do mình quản lý. Công trình do cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp. UBND tỉnh quyết định thu hồi giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng quy định.

Quy định về giấy phép xây dựng tạm, về quy mô, các công trình theo tuyến trong đô thị không phù hợp với quy hoạch chi tiết nhưng có tính chất, mục tiêu đầu tư là phục vụ dân sinh (như đường dây tải điện, đường dây thông tin truyền thông, đường ống cấp nước, hệ thống thoát nước...) thì được xem xét, cấp giấy phép xây dựng tạm với quy mô cấp IV. Đối với khu vực đã có quy hoạch chi tiết được phê duyệt và công bố nhưng chưa có kế hoạch thực hiện thì

xem xét, cấp giấy phép xây dựng tạm công trình nhà ở riêng lẻ với quy mô là 1 tầng (mái sử dụng vật liệu lợp). Trường hợp các hộ dân có nhu cầu thì được phép xây dựng thêm 1 tầng lửng nhưng phải đảm bảo chiều cao công trình tối đa là 8 m. Không cấp giấy phép xây dựng tạm đối với nhà ở riêng lẻ dạng biệt thự. Đối với các công trình xây dựng (như kho, xưởng, nhà máy xay xát gạo, nhà máy chế biến thủy sản...) đang tồn tại nhưng không phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được duyệt, nếu có nhu cầu cải tạo, sửa chữa thì xem xét, cấp giấy phép xây dựng tạm với quy mô 1 tầng (mái sử dụng vật liệu lợp), chiều cao công trình không quá 10 m, diện tích được cấp giấy phép xây dựng tạm nhỏ hơn hoặc bằng diện tích công trình hiện hữu. Khuyến khích sử dụng các loại vật liệu xây dựng theo hình thức thi công lắp ghép để xây dựng các công trình được cấp giấy phép xây dựng tạm nhằm hạn chế thiệt hại trong quá trình tháo dỡ công trình để thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

Điều kiện đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng tạm được quy định tại Điều 7 Nghị định số 64/2012/NĐ-CP, chủ đầu tư phải có văn bản cam kết tháo dỡ công trình khi thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng tạm hết hạn và không yêu cầu bồi thường khi nhà nước thực hiện theo quy hoạch. Không cấp giấy phép xây dựng tạm đối với các khu vực đã có Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền hoặc có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ đang tồn tại thuộc phạm vi lộ giới quy hoạch các tuyến đường giao thông, nếu hộ dân có nhu cầu cải tạo, sửa chữa thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng tạm xem xét, cấp giấy phép xây dựng tạm. Đối với công trình xây dựng đang tồn tại thuộc phạm vi lộ giới quy hoạch các tuyến đường giao thông, tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan cấp giấy phép xây dựng xem xét, giải quyết yêu cầu cấp giấy phép xây dựng tạm cho

phù hợp với tình hình thực tế. Việc cấp giấy phép xây dựng tạm thuộc phạm vi lộ giới quy hoạch các tuyến đường giao thông chỉ áp dụng cho trường hợp đã có quy hoạch lộ giới nhưng chưa thực hiện hoặc đã thực hiện một phần. Thời hạn tồn tại đối với công trình được cấp giấy phép xây dựng tạm được xác định từ thời điểm cấp giấy phép xây dựng tạm đến khi nhà nước có quyết định thu hồi đất để thực hiện theo quy hoạch xây dựng được duyệt.

Cũng theo Quy định này, tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng công trình, cơ quan cấp giấy phép xây dựng xem xét, tổ chức lấy ý kiến đối với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về

chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, đảm bảo an toàn công trình, công trình lân cận và các yêu cầu về giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng có liên quan đến an ninh quốc gia.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.baclieu.gov.vn](http://www.baclieu.gov.vn))

## **Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy trình thẩm tra thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Ngày 31/12/2013, UBND tỉnh Ninh Bình đã có Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ban hành Quy trình thẩm tra thiết kế xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Quy trình này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung, phương thức thực hiện thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế một bước hoặc hai bước và thiết kế khác triển khai sau thiết kế cơ sở được quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Theo Quy định này, về thẩm quyền, Sở Xây dựng thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Các loại nhà máy xi măng cấp II, cấp III, các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình. Sở Giao thông vận tải thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Các công trình quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Các loại công trình quy định tại Điểm đ Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Sở Công Thương thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng các loại công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Các công trình sửa chữa, cải tạo công trình và thay đổi thiết kế theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2013/TT-BXD thực hiện thẩm tra theo quy định nêu trên. Đối với các công trình không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định

số 15/2013/NĐ-CP, chủ đầu tư thực hiện thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

Về hồ sơ thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, đối với các công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, hồ sơ thẩm tra thiết kế xây dựng công trình bao gồm: Tờ trình xin thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 13/2013/TT-BXD; quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình (hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng với dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt đối với trường hợp thiết kế một bước; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy; báo cáo đánh giá tác động môi trường nếu có); báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư (xem xét sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và các quy định của pháp luật bao gồm thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng, quy trình bảo trì công trình và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan; đánh giá sự phù hợp hồ sơ thiết kế so với nhiệm vụ thiết kế, thiết kế cơ sở, các yêu cầu của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan; điều kiện năng lực của nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu thiết kế xây

dựng, kinh nghiệm của chủ nhiệm thiết kế, khảo sát và các chủ trì thiết kế kèm theo có xác nhận và đóng dấu của chủ đầu tư; hồ sơ năng lực kèm theo quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu hoặc kết quả chỉ định thầu của nhà thầu khảo sát, thiết kế xây dựng; chủ đầu tư nộp phí thẩm tra thiết kế cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi nhận kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng công trình); phí thẩm tra và chi phí thẩm tra được tính trong tổng mức đầu tư, dự toán công trình.

Kết quả thẩm tra thiết kế theo Phụ lục số 2 Thông tư số 13/2013/TT-BXD đối với các thiết kế xây dựng công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng trực tiếp thực hiện. Ý kiến về kết quả thẩm tra thiết kế công trình theo Phụ lục số 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD đối với các thiết kế xây dựng công trình do cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ định đơn vị tư vấn thẩm tra quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 13/2013/TT-BXD. Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình, dự toán (với công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước) được đóng dấu thẩm tra theo mẫu được quy định tại Phụ lục số 3 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.ninhbinh.gov.vn](http://www.ninhbinh.gov.vn))**



**Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sản xuất dầu đốt từ các nguồn phế thải nhựa góp phần tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường (MS: RD - 28)**

Ngày 15/1/2014, tại Hà Nội, Hội đồng Khoa học Kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sản xuất dầu đốt từ các nguồn phế thải nhựa góp phần tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường” (MS: RD - 28) do TS. Mai Ngọc Tâm - Viện Vật liệu xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS. Mai Ngọc Tâm đã báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. Theo báo cáo, cùng với sự phát triển kinh tế thì nhu cầu năng lượng của Việt Nam ngày một tăng. Ngày nay, một trong những mối quan tâm lớn của toàn xã hội là việc sử dụng quá nhiều nhiên liệu hóa thạch đã làm ô nhiễm bầu khí quyển, phát thải khí nhà kính gây ra hiện tượng khí hậu của trái đất nóng dần lên, trong khi đó các nguồn nhiên liệu này lại ngày càng cạn kiệt. Để giải quyết vấn đề này cần phải quan tâm phát triển và sử dụng các nguồn nhiên liệu thay thế như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng từ sinh khối... Tuy nhiên, có một nguồn năng lượng vẫn đang bị bỏ phí đó là nguồn năng lượng từ rác thải. Các thành phần khó phân hủy như nhựa, cao su trong rác thải đang ngày càng lớn do thói quen tiêu dùng sử dụng bao bì của xã hội ngày càng tăng đang gây nhiều vấn đề trong xử lý rác thải. Tuy nhiên đó cũng là nguồn nguyên liệu rất có giá trị nếu sử dụng các công nghệ có hiệu quả để biến chúng thành nguồn năng lượng tái tạo có ích. Việc nghiên cứu và làm chủ công nghệ tái chế nhựa phế thải thành dầu đốt sẽ mang lại hiệu quả kinh tế xã hội, góp phần bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Công nghệ sản xuất dầu đốt từ nhựa phế thải là công nghệ tận



*Toàn cảnh Hội đồng nghiệm thu*

dụng tối đa các thành phần chất dẻo, nilon từ rác thải để sản xuất dầu đốt, là năng lượng giá trị. Rất hiệu quả để phục vụ công nghiệp, nông nghiệp và đời sống. Nguồn năng lượng này có giá thành thấp và có khả năng thay thế dầu DO, FO nhập khẩu.

Đề tài gồm 86 trang, với bố cục nội dung gồm 6 phần: Mở đầu; Mục tiêu của đề tài; Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; Phương pháp nghiên cứu, phân tích, thử nghiệm và nguyên vật liệu; Nội dung và kết quả nghiên cứu; Kết luận và kiến nghị.

Mục tiêu chính của đề tài là làm chủ và ứng dụng được công nghệ sản xuất dầu đốt công nghiệp từ nhựa phế thải, phát triển công nghệ xử lý rác thải, tận thu năng lượng nhằm tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nhóm tác giả đề tài đã thực hiện theo trình tự: điều tra, khảo sát thu thập số liệu về hiện trạng phát sinh nhựa phế thải để làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất dầu đốt; nghiên cứu phương pháp và các yếu tố công nghệ tách loại tạp chất của nilon phế thải; giải pháp công nghệ sấy nguyên liệu nhựa cho quá trình nhiệt phân; lựa chọn và chế tạo xúc tác cho quá trình nhiệt phân nhựa thành

dầu đốt; nghiên cứu các điều kiện ăn mòn thiết bị, lựa chọn vật liệu thích hợp cho việc chế tạo thiết bị nhiệt phân nhựa thành dầu đốt; nghiên cứu xử lý khí của quá trình nhiệt phân nhựa thành dầu đốt; xử lý tái chế tro của quá trình nhiệt phân làm vật liệu xây dựng; đánh giá các tác động môi trường của quá trình sản xuất dầu.

Trong quá trình thu hồi nhựa và nilon bằng hệ thống thiết bị phân loại, tách lọc rác bằng hệ thống thiết bị cho ra một lượng nilon lớn. Tuy nhiên lượng nilon này vẫn còn chứa nhiều tạp chất như bùn, đất và ẩm. Do đó, nilon phế thải phải trải qua các công đoạn xử lý tiếp theo để làm sạch các loại tạp chất. Trên thực tế, còn có một khối lượng lớn nhựa phế thải do những người nhặt rác thu gom, thông thường loại phế nguyên liệu này rất bẩn và chứa nhiều nước (từ 60 - 70%) ở giữa các lớp nhựa. Với mức độ tạp chất như vậy, sau khi tách tạp chất chúng ta chỉ thu được khối lượng nilon sạch với tỷ lệ từ 25 - 40% so với lượng nilon ban đầu.

Nhựa phế thải sau khi tách lọc từ rác thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt được làm sạch cơ học bằng máy rũ nguyên liệu, tại đây máy rũ có tác dụng đánh toí, đập, chà xát nilon và rũ bỏ bùn đất, cát khỏi nilon nguyên liệu. Sau đó nguyên liệu nhựa được xay nhỏ đến kích thước qua lỗ sàng 1 cm ở máy xay. Nhựa xay nhỏ được hút qua quạt hút và sấy qua hệ thống sấy gió tách ẩm Cyclon và thổi vào kho chứa trung gian. Tại kho chứa trung gian, nguyên liệu được quạt hút chuyển qua phễu vít tải nguyên liệu và được chuyển lên máy đùn nguyên liệu để vào lò nhiệt phân. Tại đây có thiết bị cấp xúc tác được định lượng và phối trộn với nguyên liệu trên phễu máy đùn nguyên liệu, kết hợp với hệ thống gia nhiệt để đẩy hỗn hợp nguyên liệu và xúc tác vào trong hệ thống thiết bị phản ứng nhiệt phân. Trong lò phản ứng nhiệt phân xảy ra quá trình nhiệt phân xúc tác, mạch polymer của nhựa bị cắt thành các phân tử hydrocarbon mạch ngắn có thể bay hơi thoát khỏi lò, hơi nhiệt phân được đưa qua tháp tách

bụi, sáp và dầu nặng. Phần nặng tách ra được dẫn vào thiết bị hồi lưu. Sau khi hơi nhiệt phân được tách bụi một lần nữa sẽ được đưa vào hệ thống sinh hàn ngưng tụ. Dầu ngưng tụ sẽ chảy vào thùng chứa trung gian ở phía dưới các sinh hàn. Hơi không ngưng tụ được dẫn theo đường ống vào tháp rửa khí, tháp rửa khí sẽ hấp thụ khí gây ăn mòn, khí còn lại không bị hấp thụ sẽ dẫn vào bình chứa khí trung gian, lượng khí này được dùng để đốt cấp nhiệt cho quá trình nhiệt phân.

Với kết quả đạt được, đề tài đã nghiên cứu được các điều kiện tối ưu để nhiệt phân nilon phế thải từ rác thải thành dầu đốt; phản ứng nhiệt phân xảy ra ở điều kiện tốt nhất là nhiệt độ từ 430 - 480<sup>0</sup>C, với 5% xúc tác zeolit ở áp suất bình thường. Hiệu suất của phản ứng nhiệt phân đạt gần 70% tính trên nguyên liệu nilon sạch; đề tài đã nghiên cứu thành phần hóa học của dầu nhiệt phân là hỗn hợp các hydro cacbon mạch thẳng, mạch vòng và mạch nhánh có mạch cacbon từ C10 - C26. Từ hỗn hợp hydro cacbon này có thể tinh chế sản phẩm và điều chỉnh các tính chất bằng phụ gia để dầu có các tính chất đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của Tiêu chuẩn TCVN 5689: 2005 và TCVN 6239: 2002 về các yêu cầu kỹ thuật của dầu DO và dầu FO; nhóm nghiên cứu đã lựa chọn giải pháp xử lý khí nhiệt phân để thành nguyên liệu đốt cấp nhiệt cho lò nhiệt phân. Đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường; lựa chọn được các vật liệu chống ăn mòn để chế tạo thiết bị nhiệt phân là các loại thép inox 310 và inox 304; thiết kế và chế tạo dây chuyền thiết bị nhiệt phân công suất 2 tấn dầu/ngày; xây dựng quy trình công nghệ sản xuất dầu đốt từ nilon phế thải trên dây chuyền thiết bị chế tạo tại Rạch Giá và Đà Nẵng; đánh giá được hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của công nghệ sản xuất dầu đốt từ rác thải nilon. Các phân tích đánh giá cho thấy, việc đầu tư công nghệ có hiệu quả kinh tế cao, thời gian thu hồi vốn khoảng 2,5 năm, tạo công ăn việc làm cho hàng chục người, tạo ra dầu đốt giá rẻ cho xã hội.

Các thành viên trong Hội đồng đã đánh giá cao những kết quả mà nhóm nghiên cứu đạt được và cũng khẳng định đây là một đề tài khó bởi kết hợp nhiều yếu tố từ khâu xử lý cho đến môi trường khá phức tạp. Ngoài những ưu điểm đạt được của đề tài, nhóm nghiên cứu cần chỉnh sửa lại bố cục cho phù hợp, bổ sung thêm phần tổng quan tình hình các dây chuyền sản xuất đang có tại Việt Nam hiện nay, chỉnh sửa các lỗi chính tả và có ghi chú rõ ràng đối với các bảng biểu trong đề tài.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, việc bổ sung thêm phần đánh giá tổng quan các thiết bị sản xuất dầu đốt hiện nay tại

Việt Nam là việc làm cần thiết. Chủ tịch cũng nhấn mạnh, các số liệu, chỉ tiêu kỹ thuật như: chi phí chế tạo, đầu tư, nhiên liệu, nhân công, chi phí khấu hao... trong đề tài cần chính xác, có cơ sở khoa học. Nhóm thực hiện cũng cần nghiên cứu sâu về các yếu tố vùng miền khi áp dụng công nghệ này sao cho phù hợp. Các bản vẽ dây chuyền cần nêu rõ các chỉ số kỹ thuật riêng cho từng thiết bị, đặc biệt lưu ý tới công suất xử lý, mức tiêu hao điện để đề tài được hoàn thiện hơn.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu và xếp loại xuất sắc.

Bích Ngọc

## Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Vĩnh Điện mở rộng, tỉnh Quảng Nam đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV

Ngày 14/1/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Vĩnh Điện mở rộng (đô thị Điện Bàn), tỉnh Quảng Nam đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị - Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Tham dự hội nghị về phía địa phương có đồng chí Đinh Văn Thu, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Nam; đồng chí Lê Trí Thanh, Chủ tịch UBND huyện Điện Bàn; đại diện Sở Xây dựng tỉnh. Về phía Trung ương có đại diện các Bộ ngành liên quan; đại diện Hội nghề Việt Nam; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Trình bày tóm tắt sự cần thiết và nội dung Đề án, đại diện UBND huyện Điện Bàn cho biết: Thị trấn Vĩnh Điện mở rộng (đô thị Điện Bàn) ở phía bắc tỉnh Quảng Nam; trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; về phía bắc tiếp giáp với thành phố Đà Nẵng; về phía đông nam tiếp giáp với thành phố Hội An. Do vị trí địa lý như vậy nên thị trấn có tiềm năng phát triển



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị chủ trì Hội nghị thẩm định

kinh tế với hệ thống giao thông đối ngoại thuận lợi, gần sân bay quốc tế Đà Nẵng, ga Đà Nẵng và tuyến đường sắt Bắc - Nam; đồng thời là nút giao của nhiều tuyến huyết mạch như Quốc lộ 1A, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi... Thị trấn đóng vai trò truyền tải và kết nối các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội giữa thành phố Đà Nẵng và thành phố Hội An, giữa khu vực duyên hải với các huyện phía tây của tỉnh. Qua hơn 38 năm xây dựng và phát triển, địa danh

Điện Bàn (Vinh Điện mở rộng) đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp và dịch vụ. Kết cấu hạ tầng kinh tế được đầu tư khá tốt. Hoạt động quy hoạch đầu tư xây dựng các khu công nghiệp (Điện Nam - Điện Ngọc); khu du lịch ven biển (khu resort The Nam Hai, sân golf...) và các khu dân cư đã tạo diện mạo và sức sống mới cho thị trấn theo hướng đô thị hóa. Nhiều chỉ tiêu phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nông lâm ngư nghiệp của thị trấn rất ấn tượng: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 3 năm gần đây đạt 18,89%; thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt 23,7 triệu đồng/năm. Về cơ bản, thị trấn Vinh Điện mở rộng (đô thị Điện Bàn) hoàn toàn đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại IV căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Việc nâng loại cho thị trấn thành đô thị loại IV sẽ khẳng định thêm vai trò, vị trí của Điện Bàn trong sự phát triển chung của tỉnh Quảng Nam; đồng thời là tiền đề quan trọng để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương phấn đấu thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XX, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI về xây dựng Điện Bàn trở thành thị xã vào năm 2015.

Báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng, báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ, và ý kiến của các thành viên khác trong Hội đồng đều đánh giá cao những kết quả Điện Bàn (thị trấn Vinh Điện mở rộng) đã đạt được trên

chặng đường phấn đấu trở thành đô thị loại IV, với nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức quy định, như các chỉ tiêu về kinh tế xã hội, nhà ở và công trình công cộng... Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng cũng thảo luận cùng lãnh đạo địa phương các biện pháp khắc phục một số chỉ tiêu chưa đạt hoặc đạt thấp, nhất là các chỉ tiêu về hạ tầng (cấp thoát nước, hạ tầng giao thông, đất giao thông...).

Tổng hợp các ý kiến của toàn Hội đồng, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị nhất trí công nhận thị trấn Vinh Điện mở rộng (đô thị Điện Bàn), tỉnh Quảng Nam đạt chuẩn đô thị loại IV với số điểm trung bình 84 điểm. Thứ trưởng lưu ý địa phương cần tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng đô thị, khắc phục 7/49 chỉ tiêu chưa đạt và 9/49 chỉ tiêu còn thấp, nhằm cải thiện chất lượng đô thị, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Về các nội dung quản lý đô thị, bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan, chất lượng công trình kiến trúc, an ninh quốc phòng... Thứ trưởng đề nghị UBND tỉnh và huyện tiếp thu ý kiến các Bộ, Ngành, nhanh chóng lập kế hoạch, xác định rõ mô hình phát triển đô thị trong tương lai theo hướng phát triển bền vững. Thứ trưởng cũng nhắc nhở địa phương chú trọng vấn đề nhà ở - đặc biệt nhà ở dành cho công nhân; sớm ban hành quy chế quản lý phù hợp; chú trọng chất lượng công trình kiến trúc, công trình công cộng; chú trọng tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường và nếp sống văn minh đô thị vì đây là đô thị du lịch; lồng ghép các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng vào xây dựng các công trình trên địa bàn...

Lệ Minh

## Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang là đô thị loại II

Ngày 17/1/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thành phố Rạch Giá (tỉnh Kiên Giang) là đô thị

loại II đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị - Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Tham dự Hội nghị về phía địa phương có

đồng chí Mai Văn Huỳnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang; đồng chí Nguyễn Văn Phích, Chủ tịch UBND thành phố Rạch Giá; đại diện Sở Xây dựng tỉnh. Về phía Trung ương có đại diện Văn phòng Chính phủ, đại diện các Bộ ngành liên quan; đại diện các Hội nghề Việt Nam; lãnh đạo một số Cục, Vụ chức năng Bộ Xây dựng.

Trình bày lý do, sự cần thiết và tóm tắt nội dung Đề án, đồng chí Nguyễn Văn Phích, Chủ tịch UBND thành phố Rạch Giá cho biết: Rạch Giá là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, du lịch - dịch vụ; là đầu mối giao thông giao thương của tỉnh Kiên Giang và của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Với hệ thống giao thông đường không, đường bộ, đường thủy và đường biển, Rạch Giá đã kết nối thuận lợi với các thành phố từ đất liền tới vùng biên giới, hải đảo, giữ vị trí chiến lược trong hệ thống đô thị quốc gia và hệ thống đô thị vùng ven biển Tây Nam của Tổ quốc. Với những giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, du lịch đã được Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch và tỉnh Kiên Giang công nhận, Rạch Giá có thế mạnh kinh tế mũi nhọn là thương mại và dịch vụ du lịch đã, đang được khai thác đạt hiệu quả cao, chiếm tỷ trọng hơn 70% tổng sản phẩm xã hội, góp phần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hơn 15,7% mỗi năm. Trên chặng đường hình thành và phát triển (thị xã Rạch Giá được công nhận là đô thị loại III năm 2004 và trở thành thành phố Rạch Giá năm 2005), với quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương, Rạch Giá đã đạt được nhiều chuyển biến lớn về chất cũng như về lượng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt 44,60 triệu đồng gấp 1,54 lần so với mức bình quân của cả nước. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị thành phố đạt 85,36%. Về cơ bản, thành phố Rạch Giá đã đáp ứng được các tiêu chí của đô thị loại II, căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị chủ trì cuộc họp

Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Việc nâng loại cho Rạch Giá thành đô thị loại II phù hợp với định hướng quy hoạch của tỉnh Kiên Giang, của vùng ĐBSCL, vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan.

Nhận xét về Đề án, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá Đề án đã đáp ứng tốt các mục tiêu nhiệm vụ quy hoạch đề ra, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Kiên Giang và khu vực ĐBSCL. Thành phố đã có những bước tiến rất ngoạn mục như GDP hiện nay đã tăng gấp 4 lần so với GDP năm 2005; là địa phương đi đầu trong chiến lược lấn biển với quy mô tới 1/3 diện tích đô thị, với nhiều công trình xây dựng khang trang, đẹp mắt. Các thành viên Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến để UBND tỉnh nghiên cứu hoàn thiện hơn Đề án, nâng cao chỉ tiêu đất giao thông nội thị, cấp nước sinh hoạt. Báo cáo phản biện của Cục hạ tầng Kỹ thuật, Bộ Xây dựng phân tích rõ nguyên nhân chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt còn thấp của thành phố - do đây là vùng nhiễm mặn - qua đó nêu phương hướng: Địa phương cần xây dựng định hướng cấp nước với nguồn nước từ sông Hậu; có chương trình thoát lũ ngăn mặn, xây dựng đập ngăn mặn, bổ sung các kịch bản nước biển dâng vào Đề án. Về các mặt du lịch - dịch vụ - công nghiệp, các thành viên Hội đồng đều

chung quan điểm: Để khẳng định vị trí “thành phố biển Tây” - vị trí mang tầm đối ngoại, Rạch Giá cần chú trọng gìn giữ và phát huy mối liên kết với Phú Quốc, Hà Tiên, với Campuchia và các nước ASEAN; có những chính sách phát triển du lịch gắn liền với bảo tồn khu đô thị truyền thống, cảnh quan thiên nhiên sông nước tươi đẹp.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Thẩm định, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị nhất trí cùng toàn Hội đồng công nhận thành phố Rạch Giá hội tụ đầy đủ các điều kiện trở thành đô thị loại II, với điểm số trung bình 92,27 điểm. Tuy có tới 40/49 chỉ tiêu đạt và vượt mức quy định, song Rạch Giá cũng còn 6 chỉ tiêu đạt thấp và 3 chỉ tiêu chưa đạt. Do đó, Thứ trưởng lưu ý tỉnh và thành phố cần quan tâm khắc phục, vì chất lượng cuộc sống người dân, vì sự phát triển bền vững của thành phố sau khi được nâng loại, đồng thời để thành phố phát huy hơn nữa vai trò của một trong 04 đô thị động lực vùng ĐBSCL (Cần Thơ, Rạch Giá, Long Xuyên, Cà Mau). Địa phương cũng cần xác định chức năng các ngành kinh tế mũi nhọn; chú trọng tới yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, về cảnh quan... để phát huy tối đa các tiềm năng lợi thế của mình, đặc biệt về du lịch và an ninh quốc phòng; chú trọng lồng ghép các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong công tác quy hoạch đô thị, xây dựng các công trình trong thành phố. Về công tác quản lý đô thị, Thứ trưởng lưu ý địa phương nhanh chóng xây dựng

chương trình phát triển đô thị, chú ý xây dựng các công trình điểm nhấn; chú trọng các vấn đề quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị, bảo vệ môi trường; có định hướng sử dụng đất nông nghiệp, bảo đảm nguồn cấp nước sạch cho thành phố; xây dựng và phát triển thành phố Rạch Giá thành một mắt xích trong chuỗi đô thị du lịch Cần Thơ - Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Bày tỏ cảm ơn những ý kiến tâm huyết, thể hiện trách nhiệm và lòng mong muốn Rạch Giá ngày càng vững bước đi lên của toàn thể Hội đồng, thay mặt lãnh đạo địa phương, đồng chí Mai Văn Huỳnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang hứa tỉnh và thành phố sẽ ghi nhận và tích cực nghiên cứu xây dựng định hướng chiến lược, tạo đà cho thành phố phát triển bền vững trong tương lai. Giải trình một số chính sách liên quan tới hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy mô dân số, an ninh quốc phòng, biến đổi khí hậu, đồng chí cũng cho biết: bên cạnh sự nỗ lực của chính quyền, sự đồng thuận của người dân, Rạch Giá rất cần sự quan tâm giúp đỡ của các ban ngành Trung ương để giữ vững và phát huy các giá trị đạt được hôm nay, nâng cao vị thế đô thị trung tâm chính trị, kinh tế, dịch vụ cấp vùng đã được xác định trong định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam, và định hướng phát triển kinh tế xã hội vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan.

Lệ Minh

## **Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu chế tạo vữa cho công nghệ phun vữa trát tường trần trong công nghệ xây dựng**

Ngày 22/01/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo vữa cho công nghệ phun vữa trát tường trần trong công nghệ xây dựng” mã số RD 50-12 do TS. Trần Lê Hồng - Hội

Công nghiệp bê tông Việt Nam làm chủ nhiệm đề tài. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của nhóm đề tài, hiện nay tại

Việt Nam, thi công trát tường và trần vẫn còn thực hiện phổ biến theo phương pháp thủ công, do đó chất lượng của bề mặt vữa trát cũng như khả năng bám dính của vữa với tường trát thường không đảm bảo chất lượng, dễ xảy ra hiện tượng nứt vỡ, bong tróc trong thời gian khai thác công trình, đặc biệt với tường gạch bê tông khí - loại vật liệu trọng điểm đang được nghiên cứu phát triển trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, phương pháp trát thủ công đòi hỏi nhiều nhân công lao động, thời gian thi công kéo dài, giá thành xây dựng do đó tăng cao. Giải pháp cơ bản cho vấn đề nêu trên chính là công nghệ phun vữa áp dụng trong thi công trát trần và tường - phương pháp tiên tiến đang được nghiên cứu và ứng dụng trên thế giới, và là giải pháp hữu hiệu được kỳ vọng sẽ mang lại hiệu quả cao về khả năng cơ giới hóa cũng như nâng cao chất lượng cho các công trình xây dựng. Đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa ngành xây dựng Việt Nam và triển vọng ứng dụng cao của công nghệ phun vữa trong thi công các công trình trên cả nước, nhóm đề tài đã nghiên cứu công phu và hoàn thành sản phẩm đề tài theo các mục tiêu nhiệm vụ: nghiên cứu đưa ra cấp phối vữa hợp lý; đưa ra quy trình công nghệ chế tạo vữa phun và quy trình công nghệ phun trát.

Trong nội dung nghiên cứu cấp phối vữa, nhóm đề tài cho biết: đối với vữa phun trát tường và trần, ngoài việc yêu cầu tính công tác cao hơn so với trát thủ công, một số tính chất khác cũng yêu cầu cao hơn như khả năng bám dính của vữa, khả năng giữ độ lưu động...Đề tài cũng tập trung vào nghiên cứu chế tạo vữa cho công nghệ phun vữa trát tường và trần của công trình xây bằng bê tông nhẹ (bê tông bọt, bê tông khí chung áp). Với các công trình xây bằng loại bê tông này thì yêu cầu về khả năng giữ nước của hỗn hợp vữa và độ hút nước mao dẫn của vữa rất quan trọng. Để đáp ứng các yêu cầu trên, nhóm đề tài đã thực hiện tính cấp phối theo các bước khoa học: tính toán lựa chọn cấp phối sơ bộ; sử dụng phụ gia khoáng (tro



*ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu phát biểu kết luận cuộc họp*

bay) thay một phần xi măng nhằm giảm giá thành của vữa, đồng thời tăng tính công tác của hỗn hợp vữa và tăng độ đặc của vữa đã rắn chắc; sử dụng methyl xenlulo và polyme làm phụ gia theo tỷ lệ hợp lý.

Trong các nội dung quy trình công nghệ sản xuất vữa phun và quy trình công nghệ phun trát, nhóm đề tài thực hiện các nghiên cứu bằng máy phun vữa trực vít JRD 200 kết hợp với thiết bị bơm khí nén cho tường gạch block xây bê tông khí chung áp. Tường trát có thể là tường bao bên ngoài hoặc vách ngăn trong các công trình dân dụng. Bề mặt vữa trát có thể áp dụng cho bề mặt tường, trần phẳng nhẵn hoặc bề mặt tường, trần trát có sử dụng lưới thép để làm tăng khả năng bám dính của vữa với bề mặt thi công phun trát vữa. Để chế tạo vữa phun, nhóm đề tài dày công nghiên cứu nguyên vật liệu sử dụng (cốt liệu nhỏ, tro bay, nước, xi măng...) theo các tiêu chí và quy định trong TCVN 2682:2009, TCVN 7570:2006.

Hai báo cáo phản biện và ý kiến các thành viên khác của Hội đồng đều đánh giá cao tính thực tiễn, tính cấp thiết của đề tài. Để giúp nhóm đề tài hoàn thiện hơn sản phẩm, sớm được ứng dụng vào thực tế thi công xây dựng của nước ta, Hội đồng đóng góp nhiều ý kiến xác thực xoay quanh tính hợp lý trong bố cục đề tài; cách dùng một số thuật ngữ. Một số nội dung, yêu cầu kỹ thuật cũng được Hội đồng thảo luận, đề xuất nhóm đề tài nghiên cứu bổ

sung thêm như: mở rộng phạm vi nguyên vật liệu áp dụng trong sản xuất vữa, phân tích rõ vữa khô trộn sẵn và vữa trộn trên công trường, bổ sung sơ đồ các quy trình công nghệ kèm chú thích, hướng dẫn rõ ràng để người đọc dễ hiểu, dễ áp dụng. Một số nội dung khác như lựa chọn thiết bị phun... được Hội đồng góp ý rút ngắn cho phù hợp tình hình thực tế.

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Chủ tịch Hội

đồng - ThS. Trần Đình Thái đã đánh giá cao những nỗ lực của nhóm đề tài; đồng thời lưu ý nhóm tác giả chỉnh sửa và hoàn thiện sản phẩm trên cơ sở các ý kiến đóng góp của Hội đồng.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

## **Góp ý kiến cho Đồ án Quy hoạch chung Thành phố Bạc Liêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 17/01/2013, tại Bộ Xây dựng đã diễn ra buổi họp góp ý kiến cho Đồ án Quy hoạch chung TP. Bạc Liêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh. Tham dự cuộc họp còn có lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ, Phân viện Quy hoạch đô thị - nông thôn Miền Nam (đơn vị tư vấn), đại diện của Sở Xây dựng Tỉnh Bạc Liêu.

Tại buổi họp, thay mặt cho đơn vị tư vấn, KTS. Ngô Quang Hùng - Viện trưởng Phân viện Quy hoạch đô thị - nông thôn Miền Nam đã báo cáo về tình hình quy hoạch của TP. Bạc Liêu. Theo báo cáo, nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi trong công tác lập quy hoạch xây dựng và định hướng mở rộng tổ chức không gian đô thị TP. Bạc Liêu, từng bước tiếp cận những mô hình đô thị hiện đại trong nước và trên thế giới để xây dựng TP. Bạc Liêu đạt tiêu chí đô thị loại II vào năm 2015 và hướng tới đạt tiêu chí đô thị loại I vào năm 2030 theo hướng xanh - sạch - đẹp mang bản sắc riêng của vùng ĐBSCL. Phân viện Quy hoạch đô thị - nông thôn Miền Nam thuộc Bộ Xây dựng đã thiết kế ý tưởng về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Bạc Liêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: TP. Bạc Liêu nằm phía Đông Nam tỉnh Bạc Liêu, bao gồm 7 phường nội thị và 3 xã ngoại vi với tổng diện tích 17.525,88 ha, dân số 152.004 người (năm



*Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại cuộc họp*

2012). TP. Bạc Liêu là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, kỹ thuật của tỉnh, là đô thị loại III trực thuộc tỉnh (năm 2007) đồng thời là trung tâm thương mại dịch vụ, giao thông vận tải và y tế của vùng ĐBSCL. TP. Bạc Liêu là điểm giao của các trục hành lang kinh tế đô thị vùng và quốc gia như Quốc lộ 1A, Quốc lộ Nam sông Hậu, trục đê ven biển..., đặc biệt đây là một đô thị sát biển nên thuận lợi cho phát triển kinh tế biển và các dịch vụ du lịch biển. Ngoài ra, TP. Bạc Liêu có quỹ đất thuận lợi cho xây dựng, gần nguồn nước đảm bảo phục vụ sản xuất và đời sống, cảnh quan đẹp để phát triển không gian đô thị, hình thành các khu đô thị mới hiện đại, các trung tâm du lịch sinh thái, các trung tâm dịch vụ chuyên ngành cấp vùng... Theo quy hoạch, đến năm 2020, TP. Bạc Liêu có tổng dân số khoảng 260.000 người, quy mô



đất đai là từ 3.500 ha đến 4.000 ha. Đến năm 2030, dân số khoảng 350.000 người, quy mô đất đai từ 6.000 - 8.000. Thêm vào đó, TP. Bạc Liêu còn có vùng phát triển nông nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng công viên cảnh quan, công viên chuyên đề và không gian mở, vùng đất ở nông thôn... Đồ án cũng đã xây dựng nhiều vùng chức năng phát triển kinh tế, phân bố hệ thống đô thị, vùng du lịch, giáo dục và đào tạo vùng, y tế vùng, hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội...

Nhận xét về Đồ án QHC TP. Bạc Liêu, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ đều đánh giá Đồ án đã được nghiên cứu một cách nghiêm túc, nhiều khu vực đã được định hướng không gian và kiểm soát được không gian phát triển đặc trưng của Bạc Liêu để triển khai quy hoạch phân khu và thiết kế đô thị. Đồ án đã đáp ứng tốt các mục tiêu nhiệm vụ quy hoạch đề ra, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bạc Liêu và khu vực ĐBSCL. Tuy nhiên, đồ án cần xem xét và điều tiết lại một số vấn đề như tính chất đô thị, cơ cấu dân cư, làm rõ phạm vi mở rộng đất đai quy hoạch, chưa thể hiện được việc sử dụng đất một cách hợp lý, chưa có con số vĩ mô thể hiện tầm nhìn đến

năm 2050, cần xác định các trục giao thông chính, trục liên đô thị, phân tích rõ các vùng phát triển kinh tế và động lực của nó, làm rõ các kết nối và các trục không gian kết nối với các đô thị ven biển Tây và các đô thị phía Đông, nêu rõ các biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu...

Kết luận buổi họp, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhất trí với các ý kiến của lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ là QHC TP. Bạc Liêu phù hợp với đồ án mà tỉnh đã phê duyệt, có định hướng nghiên cứu về cấu trúc đô thị và định hướng phát triển phù hợp đồng thời đề nghị Tỉnh và Thành phố cần tiếp thu ý kiến của các Cục, Vụ để có những nghiên cứu và đề xuất logic và hợp lý. Ngoài ra, cần tiến hành rà soát đánh giá hiện trạng để bảo vệ tốt để xuất định hướng của đề án.

Thay mặt lãnh đạo tỉnh Bạc Liêu đồng thời cũng là đơn vị tham mưu thực hiện đồ án, ông Dương Ngọc Ẩn – Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bạc Liêu cảm ơn và nhất trí tiếp thu những ý kiến đóng góp của Bộ Xây dựng để hoàn thiện đồ án.

**Kim Nhật**

## **Kiểm soát ngăn ngừa rò rỉ nước - Kinh nghiệm từ Tokyo, Nhật Bản**

### **Hành động tốt nhất**

Cơ quan cấp nước của Thành phố Tokyo dẫn đầu thế giới về kỹ thuật phát hiện và kiểm soát rò rỉ nước. So sánh với các thành phố lớn khác, Tokyo duy trì tỷ lệ rò rỉ nước rất thấp từ mạng lưới đường ống ngầm rộng lớn của thành phố. Hệ thống cấp nước của Tokyo phục vụ khoảng 13 triệu dân và nguồn nước được cung cấp từ 4 con sông là Tone, Ara, Tama và Sagami. Nước thô từ những con sông này được làm sạch qua 3 quá trình đông tụ, lắng và lọc tại các nhà máy tại địa phương. Nước của sông Tone và Ara được xử lý bổ sung bằng phương

pháp ozon hóa và hấp thu sinh học bằng cacbon hoạt tính. Nước đã được xử lý được tăng áp và cung cấp cho khách hàng dưới dạng nước vòi thông qua các đường ống ngầm.

Tổng chiều dài của đường ống phân phối là trên 26.000 km. Các rò rỉ được sửa chữa ngay trong ngày được báo cáo. Cơ quan cấp nước của Thành phố Tokyo đã nỗ lực phát hiện sớm những rò rỉ, thường xuyên thay thế đường ống và nâng cấp các vật liệu ống (ví dụ: từ gang đúc sang gang đúc dẻo đối với đường ống phân phối). Vào giữa những năm 2008, các báo cáo rò rỉ giảm xuống chỉ còn khoảng 15.000 trường

hợp và đang giảm dần cho đến nay.

## Vấn đề

Chính quyền thành phố Tokyo lưu trữ và phân phối 6,3 triệu m<sup>3</sup> nước mỗi ngày. Thử thách chính đối với Cơ quan cấp nước của Thành phố là sự thiếu nước đầu vào do sự xói lở đáy sông. Hệ thống sông Tone hiện chiếm 80% toàn bộ nguồn nước cho Tokyo, nhưng lại không được bảo vệ để tránh bị khô cạn như các hệ thống sông khác từ khi việc xây dựng đập chưa hoàn thành và những thay đổi gần đây trong các hình thái mưa.

Vào năm tài chính 2010, có trên 26.000 km đường ống phân phối dưới khu vực thành phố Tokyo. Đường ống nước nằm trong lòng đất thường xuyên ở trong tình trạng nguy hiểm bị rò rỉ, và rò rỉ có thể gây ra những hiểm họa thứ cấp như suy giảm nước cấp, sập đường, nước tràn vào các tòa nhà và ngập lụt.

Vào năm tài chính 1956, tỷ lệ rò rỉ là 20%. Vào năm tài chính 2010, tỷ lệ rò rỉ khoảng 3% và phần lớn rò rỉ gây ra bởi: 97% do nứt vỡ hoặc ăn mòn trên đường ống cấp nước và 3% do đường ống cũ.

Bên cạnh các kế hoạch kiểm tra và sửa chữa, việc đổi mới các ống cũ và thay thế các ống dẫn nước bằng các ống thép không gỉ là ưu tiên chính. Biện pháp này thành công trong việc giảm lượng lớn nước rò rỉ trong 50 năm qua.

Biến đổi khí hậu sẽ tác động đến các nguồn nước, việc ngăn ngừa rò rỉ nước để đảm bảo tiêu thụ tối đa các nguồn nước có giới hạn được khai thác ngày càng trở nên quan trọng. Việc ngăn ngừa rò rỉ ngang bằng với việc phát triển nguồn nước mới.

## Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát là sử dụng tốt nhất các nguồn nước có giới hạn để thích ứng với biến đổi khí hậu, ngăn ngừa các thảm họa gây ra bởi rò rỉ nước như thiếu nguồn cấp nước, lún và nứt vỡ mặt đường do dòng chảy nước ngầm, nước tràn vào các tòa nhà...

## Thực hiện

Bên cạnh kế hoạch kiểm tra và sửa chữa, việc đổi mới các ống cũ và thay thế các ống dẫn nước chỉ bằng ống thép không gỉ là ưu tiên chính. Các biện pháp cụ thể bao gồm:

- Rò rỉ dưới đất: Rò rỉ được phát hiện bằng cách sử dụng cảm biến/ máy dò/ máy phát hiện rò rỉ điện tử. Lượng rò rỉ tiềm năng được dự đoán bằng cách sử dụng các dụng cụ đo dòng chảy vào ban đêm.

- Thay thế ống và nâng cấp vật liệu ống: Từ gang đúc sang gang dẻo đối với đường ống phân phối, do vật liệu này có độ cứng cao hơn, khả năng chịu động đất tốt hơn; từ ống chì sang thép không gỉ cho các ống cung cấp dưới các đường công cộng.

- Dự án K-Zero (không ống cũ; K là viết tắt của Keinen-kan theo tiếng Nhật Bản là "ống cũ") được thực hiện từ năm 2002.

- Kiểm soát các ống dịch vụ: Chiếm 97% tổng lượng sửa chữa rò rỉ, do đó ngăn ngừa sớm rò rỉ là thiết yếu.

- Trung tâm Đào tạo và Phát triển kỹ thuật: Trung tâm này được thành lập mới từ năm 2005 và đang đóng góp vào việc ngăn ngừa rò rỉ thông qua nghiên cứu và phát triển.

- Hệ thống máy tính hóa: Tính toán và tổng hợp thông tin về rò rỉ. Các số liệu thu thập được bao gồm nguyên nhân, chi tiết từng trường hợp sửa chữa và chi phí sửa chữa.

## Hệ thống tiết kiệm năng lượng

Trung tâm Vận hành Cung cấp nước của Thành phố quản lý tất cả các số liệu liên quan đến cung cấp nước thông qua hệ thống máy tính giám sát và điều khiển các hoạt động trong 24 giờ trong ngày, 7 ngày trong tuần. Trung tâm này đảm bảo nguồn cấp nước ổn định từ các nhà máy làm sạch và các trạm cung cấp nước. Hệ thống đóng góp vào việc quản lý hiệu quả cả việc cung cấp nước và hoạt động của bơm.

## Thiết bị tiết kiệm nước

Thành phố còn yêu cầu ngành sản xuất phát triển và cung cấp các thiết bị tiết kiệm nước bao gồm vòi nước, khóa vòi, nhà vệ sinh,

máy giặt. Những thiết bị này ăn khớp với nhau khi lắp ghép trong toàn hệ thống. Các khóa vòi/van tiết kiệm nước đã được phát triển và phân phát miễn phí cho các khách hàng.

### **Chi phí**

Vào năm tài chính 2010, Cơ quan cấp nước của thành phố Tokyo đã sử dụng 6 tỷ yên (54,5 triệu đô la Mỹ) trong các hoạt động kiểm soát rò rỉ nước.

### **Kết quả và Đánh giá**

- Những định hướng của Tokyo trong công việc sửa chữa trong ngày đã giúp giảm nhanh chóng tỷ lệ rò rỉ từ 20% vào năm 1956 xuống khoảng 3% vào năm 2010.

- Lượng phát thải CO<sub>2</sub> giảm xuống nhờ việc giảm tỷ lệ rò rỉ, khoảng 67.100 tấn CO<sub>2</sub> (bằng lượng cacbon dioxit phát thải bởi khoảng 61.600 xe ô tô).

- Lượng điện quy đổi từ lượng nước đã được ngăn ngừa rò rỉ lãng phí (với căn cứ lượng lãng phí năm 1956) vào khoảng 164 MWh vào năm tài chính 2010.

- Lượng điện tiết kiệm được từ việc giảm tỷ

lệ rò rỉ (với căn cứ lượng lãng phí năm 1956) là khoảng 2,4 tỷ yên (23,6 triệu đô la Mỹ) vào năm tài chính 2010.

### **Bài học**

Những năm gần đây, những nỗ lực ngăn ngừa rò rỉ ngày càng trở nên khó khăn hơn để duy trì đối với Cơ quan cấp nước do số lượng nhân viên có kinh nghiệm giảm và số lượng đường giao thông tăng.

Trung tâm Đào tạo và Phát triển kỹ thuật được thành lập năm 2005 là một trong các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và phát triển về cung cấp nước lớn nhất tại Nhật Bản. Trung tâm đào tạo nhân viên dựa trên những trường hợp nghiên cứu thực tiễn và hoạt động của Trung tâm luôn cần thiết cho thành công của Cơ quan cấp nước. Trung tâm còn đang phát triển thiết bị phát hiện rò rỉ mới để nâng cao hiệu quả.

*Nguồn: Tài liệu về Kinh nghiệm chống thất thoát, thất thu nước sạch  
Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng*

## **Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị và Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng thăm và kiểm tra Dự án nhà ở xã hội Đặng Xá II**

Ngày 14/01/2014, đoàn công tác phối hợp do Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị và Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng dẫn đầu đã đến thăm, kiểm tra tình hình thực hiện Dự án nhà ở xã hội tại Khu Đô thị Đặng Xá II, Gia Lâm, Hà Nội.

Tham dự đoàn công tác có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Văn Khôi, lãnh đạo các cơ quan đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, Thành ủy và UBND thành phố Hà Nội, huyện Gia Lâm và đại diện một số doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Tại Khu đô thị Đặng Xá, Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và đoàn công tác đã kiểm tra khu nhà ở xã hội Đặng Xá I hoàn thành năm 2012 và khu nhà ở xã hội Đặng Xá II với 1.100 căn hộ đang chuẩn bị bàn giao trước Tết Âm lịch 2014.

Tại khu nhà ở xã hội Đặng Xá II, đoàn công tác đã có buổi làm việc với lãnh đạo Tổng Công ty Viglacera - Chủ đầu tư dự án. Tại buổi làm việc, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera Nguyễn Anh Tuấn đã báo cáo đồng chí Bí thư, đồng chí Bộ trưởng và đoàn công tác về quá trình triển khai, thực hiện dự án.

Theo báo cáo của Tổng Công ty Viglacera, Khu đô thị Đặng Xá có quy hoạch tổng thể diện tích 68,67 ha. Trong đó, đất ở chiếm 17,3 ha; đất xây dựng nhà ở xã hội chiếm 13 ha; đất xây dựng công cộng đơn vị ở và văn phòng 4,68 ha; đất cường 8,04 ha; đất cây xanh bãi đỗ xe, đất giao thông 25,55 ha. Khu đô thị Đặng Xá tọa lạc ở phía đông bắc Thủ đô Hà Nội, cách trung tâm thành phố 12 km, là khu đô thị đầu tiên trên



*Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị và Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng địa kiểm tra dự án nhà ở xã hội Đặng Xá II theo quốc lộ 5 thuộc địa phận các xã Cổ Bi - Trâu Quỳ - Đặng Xá - Phú Thị. Với tổng số 13 ha quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội, chiếm 43% quỹ đất của đơn vị tại khu đô thị, dự kiến đầu tư xây dựng hơn 4.000 căn hộ, đến nay Tổng công ty Viglacera đã thực hiện xong 2.100 căn hộ.*

Từ tháng 9-2013, UBND thành phố Hà Nội tiếp tục cho phép Tổng công ty sử dụng quỹ đất 20% dự án khu đô thị Đặng Xá II (diện tích 3,7 ha) để đầu tư xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp. Ngay sau khi được giao, Tổng công ty đã triển khai thi công xây dựng khối nhà 6 tầng với 1.100 căn hộ; mỗi căn hộ có diện tích dao động từ 35,8 m<sup>2</sup> đến 69,5 m<sup>2</sup>, giá bán dưới 8,7 triệu đồng/m<sup>2</sup> (đã bao gồm thuế VAT và phí bảo trì 2%). Sau 5 tháng xây dựng, Tổng công ty đang tiến hành bàn giao các căn hộ cho người mua. Dự án cũng sẽ dành 100 căn hộ thí điểm cho thuê, thuê mua theo Nghị định số 188/2013/NĐ-CP. Ông Nguyễn Anh Tuấn cho biết, giai đoạn 2 của dự án được hoàn thành trong một thời gian ngắn kỷ lục, chỉ trong vòng 5 tháng, toàn bộ 1.100 căn hộ đã được hoàn thiện, đồng thời, rút kinh nghiệm của dự án giai đoạn một, các công trình nhà ở xã hội giai đoạn 2 đã có nhiều cải tiến và nâng cao chất lượng,

cả về chất lượng vật liệu hoàn thiện và cảnh quan môi trường.

Sau khi nghe báo cáo tình hình thực hiện dự án và một số kiến nghị của chủ đầu tư, đồng chí Phạm Quang Nghị và đồng chí Trịnh Đình Dũng đã nghe thêm một số ý kiến của đại diện UBND thành phố Hà Nội, Sở Xây dựng, Sở Kiến trúc Quy hoạch, UBND huyện Gia Lâm việc cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính đối với dự án này giữa thành phố Hà Nội và Bộ Xây dựng, về việc giải quyết các vướng mắc và những kiến nghị của chủ đầu tư.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, Thành phố Hà Nội là địa phương đi đầu trong phát triển đô thị, và phát triển nhà ở xã hội. Qua khảo sát thực tế, nhu cầu về nhà ở xã hội tại Hà Nội là rất lớn. Trong thời gian qua, Bộ Xây dựng và thành phố Hà Nội đã có sự phối hợp chặt chẽ và chỉ đạo quyết liệt về phát triển nhà ở xã hội. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng bày tỏ mong muốn đồng chí Bí thư Thành ủy tiếp tục quan tâm, chỉ đạo UBND thành phố chủ động triển khai thực hiện chương trình phát triển nhà ở xã hội, rà soát quỹ đất 20% để có đất giao cho doanh nghiệp thực hiện phát triển nhanh nhà ở xã hội, góp phần giải quyết khó khăn cho nền kinh tế và cải thiện nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, những người có thu nhập thấp.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị đánh giá cao sự hợp tác chặt chẽ và hiệu quả giữa Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội trong việc đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, góp phần cải thiện điều kiện cư trú và sinh hoạt cho một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và những hộ có thu nhập thấp ở đô thị.

Theo Bí thư Thành ủy Phạm Quang Nghị, đối với mỗi gia đình, nhà ở là một vấn đề lớn. Qua kiểm tra thực tế, mắt thấy, tai nghe đã cho thấy, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nhà ở xã hội, đáp ứng nhu



*Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và các đồng chí lãnh đạo trồng cây lưu niệm cầu của số đông người dân là hết sức đúng đắn và đã đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, Bí thư Thành ủy Phạm Quang Nghị cũng chỉ đạo các cấp, các ngành, bên cạnh việc tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội, cần phải lưu ý đến việc tính toán căn cơ nhu cầu để xây dựng quy hoạch, xác định quỹ đất cần thiết dành cho nhà ở xã hội, phân phối nhà ở xã hội phải đúng đối tượng, xây dựng cơ chế quản lý quỹ nhà ở xã hội một cách bền vững.*

Bí thư Thành ủy Hà Nội Phạm Quang Nghị biểu dương và hoan nghênh những cố gắng của Tổng Công ty Viglacera trong việc thực hiện dự án này, đồng thời nhấn mạnh, nhà ở xã hội là một trong những vấn đề lớn, cấp thiết của Nhà nước, của thành phố, nhằm đáp ứng nhu cầu rộng rãi của một bộ phận người dân, tạo sự công bằng trong xã hội. Để chính sách này thực sự đi vào cuộc sống, cùng với tinh thần quyết tâm, các cấp, các ngành của thành phố cần có cách làm bài bản, dự tính được nhu cầu thực của người dân, nhất là tại các khu vực nội thành. Trên cơ sở đó xác định quỹ đất để triển khai, tránh chỗ nào cũng “cấy ghép” nhà ở xã hội; tiếp đó giao cho các doanh nghiệp, đơn vị có đủ vốn, khả năng và kinh nghiệm triển khai thực hiện. Đồng chí Bí thư Thành ủy cũng lưu ý, cần xác định đối tượng ưu tiên như người có công, gia đình chính sách, cán bộ về hưu..., bảo

đảm đúng tiêu chí nhà ở xã hội. Chủ đầu tư cần tận dụng tối đa lợi thế của doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng để hạ giá nhà, nhưng tuyệt đối không thể “lơ là” chất lượng công trình, “không phải vì là nhà ở xã hội mà không quan tâm đến chất lượng”. Theo đó, nhiệm vụ quan trọng của các cấp, các ngành và chủ đầu tư là khẩn trương xây dựng chính sách quản lý tổng quỹ nhà ở xã hội tại dự án hơn 3 vạn dân này, từ việc sửa chữa, bảo hành, quản lý dân cư, xây dựng trường học, trạm y tế, mở tuyến xe buýt...

Cũng trong buổi đến thăm và kiểm tra dự án nhà ở xã hội tại Khu đô thị Đặng Xá, Bí thư Thành ủy Phạm Quang Nghị và Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã đến thăm, tặng quà gia đình ông Nguyễn Hiền ở phòng 309 nhà A3 D1; gia đình anh Đình Văn Trung (ở căn hộ 229 khu nhà D7) là gia đình vừa dọn đến ở khu nhà xã hội Đặng Xá II, và trồng cây lưu niệm tại dự án.

Minh Tuấn

## Lễ trao tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng cho Tham tán Xây dựng Hàn Quốc tại Việt Nam

Ngày 21/1/2014, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ trao tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng cho ông Sohn Woo Jun - Tham tán Xây dựng Hàn Quốc tại Việt Nam.

Tham dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng - Nguyễn Thanh Nghị, ông Phạm Khánh Toàn - Vụ trưởng, Vụ Hợp tác Quốc tế, bà Đỗ Phong Lan - Phó Vụ trưởng, Vụ Tổ chức cán bộ và lãnh đạo đại diện của các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ cùng tham dự.

Trong nhiệm kỳ 4 năm công tác tại Việt Nam, với cương vị là Tham tán xây dựng Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam, ông Sohn Woo Jun đã có nhiều đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy và phát triển quan hệ hợp tác chuyên ngành giữa Bộ Xây dựng Việt Nam với Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc cũng như với các cơ quan chuyên ngành xây dựng, đất đai và nhà ở của Hàn Quốc.

Ông Sohn Woo Jun đã hỗ trợ tích cực và hiệu quả trong việc tổ chức và thu xếp chương trình làm việc cho các đoàn công tác của Bộ Xây dựng sang làm việc với các cơ quan đối tác chuyên ngành tại Hàn Quốc như: Bộ Đất đai,



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị trao tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển ngành Xây dựng cho ông Sohn Woo Jun

Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc, Viện nghiên cứu định cư con người, Tổng công ty Đất đai và Nhà ở Hàn Quốc. Các buổi làm việc về trao đổi thông tin, tìm hiểu cơ chế chính sách và chia sẻ kinh nghiệm biên soạn văn bản pháp luật, kinh nghiệm thực tiễn của Hàn Quốc trong quản lý phát triển đô thị, quản lý phát triển nhà đã giúp Bộ Xây dựng nghiên cứu, áp dụng trong quá trình biên soạn văn bản pháp luật như Luật Quy hoạch đô thị, sửa đổi Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản dưới luật, góp phần thực tiễn tốt hơn công tác quản lý nhà

nước trong lĩnh vực xây dựng. Tham tán Sohn Woo Jun còn tích cực phối hợp với Bộ Xây dựng trong xây dựng các đề xuất dự án hợp tác như: dự án hỗ trợ quản lý phát triển nhà ở xã hội thuộc Chương trình chia sẻ tri thức của Hàn Quốc cho Việt Nam. Xây dựng đề xuất dự án: “Xây dựng hệ thống Quản lý kiến trúc” xin tài trợ ODA của Chính phủ Hàn Quốc. Phối hợp với Bộ Xây dựng trong tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị chuyên ngành, tạo điều kiện cho cán bộ Bộ Xây dựng tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, cử chuyên gia tình nguyện Hàn Quốc sang làm việc tại Bộ Xây dựng Việt Nam.

Thay mặt cho lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đã gửi lời chúc mừng tới ông Sohn Woo Jun. Tại buổi Lễ, Thứ trưởng đã khẳng định mối quan hệ giữa hai nước, trong hơn 20 năm qua, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã có những bước phát triển nhanh trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là về chính trị và kinh tế. Quan hệ hai nước đã nâng lên thành đối tác, hợp tác chiến lược vào năm 2009. Từ đó, Hàn Quốc đã trở thành đối tác chiến lược quan trọng của Việt Nam và Việt Nam cũng trở thành đối tác chiến lược hàng đầu của Hàn Quốc tại Đông Nam Á. Từ đó đến nay, quan hệ trao đổi thương mại giữa 2 nước đã tăng lên 44 lần; đầu tư tăng lên 250 lần. Cùng với đó, Việt Nam đã trở thành nước nhận viện trợ ODA lớn nhất của Hàn Quốc. Quyết định trao Kỷ niệm chương vì sự nghiệp

Xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Việt Nam cho ông Tham tán chính là ghi nhận và đánh giá cao sự đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc. Bộ Xây dựng cũng mong muốn trên cương vị công tác mới, ông Tham tán sẽ tiếp tục hỗ trợ, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc nói chung, giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc nói riêng.

Phát biểu tại buổi Lễ, ông Tham tán Sohn Woo Jun đã bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới lãnh đạo Bộ Xây dựng khi được vinh dự đón nhận kỷ niệm chương ngành Xây dựng. Ông Tham tán cũng chia sẻ, trong 4 năm nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam, ông đã coi Bộ Xây dựng Việt Nam chính là Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc, luôn cảm nhận sự thân thiện và gần gũi của con người Việt Nam. Trong thời gian qua, giữa Bộ Xây dựng Việt Nam Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc đã có nhiều hợp tác như: quản lý đô thị, phát triển nhà ở... ông Tham tán hi vọng vẫn tiếp tục duy trì và phát huy những thành quả trong lĩnh vực này. Đồng thời, trong thời gian tới ông sẽ cố gắng nghiên cứu thúc đẩy để 2 nước hợp tác, giúp đỡ nhau trong cả lĩnh vực công trình ngầm.

**Bích Ngọc**

## **Lễ ra mắt Viện Kiến trúc quốc gia**

Ngày 21/01/2014, Viện Kiến trúc Quốc gia đã tổ chức trọng thể Lễ ra mắt thành lập Viện Kiến trúc quốc gia. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đến dự, trao Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo Viện và phát biểu tại buổi Lễ.

Tham dự buổi Lễ có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện và các Tổng công ty trực thuộc Bộ Xây dựng, lãnh đạo và cán bộ của Viện qua

các thời kỳ, các hội nghề nghiệp và các cơ quan thông tấn, báo chí.

Tiền thân của Viện Kiến trúc Quốc gia là Viện Nghiên cứu kiến trúc được thành lập từ năm 1996, đến năm 2007 được đổi tên thành Viện Nghiên cứu kiến trúc quốc gia. Trong thời kỳ 2008 - 2013, Viện Nghiên cứu kiến trúc quốc gia sáp nhập với Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn thành Viện Kiến trúc, quy hoạch đô thị và



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ*

nông thôn. Đến ngày 09/10/2013, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định thành lập Viện Kiến trúc quốc gia - là một đơn vị sự nghiệp khoa học trực thuộc Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Viện Kiến trúc, quy hoạch đô thị và nông thôn. Việc thành lập Viện Kiến trúc quốc gia là một quyết định mang tính chiến lược của Bộ Xây dựng để tái xây dựng một cơ sở nghiên cứu khoa học hàng đầu về kiến trúc tại Việt Nam.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, trong Quyết định thành lập, Viện Kiến trúc quốc gia có 19 nhiệm vụ lớn và 19 đơn vị trực thuộc. Như vậy có thể thấy, nhiệm vụ của Viện Kiến trúc quốc gia cũng hết sức nặng nề. Tuy nhiên khái quát lại, Viện Kiến trúc quốc gia trước hết có nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực kiến trúc, thứ hai là nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực kiến trúc, thứ ba là làm công tác nghiên cứu các chính sách, các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến kiến trúc phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của Chính phủ cũng như của Bộ Xây dựng, thứ tư là làm công tác tư vấn, dịch vụ trong các lĩnh vực liên quan đến đầu tư xây dựng, đặc biệt là trong lĩnh vực kiến trúc. Một nhiệm vụ quan trọng khác của Viện Kiến trúc quốc gia đó là nhiệm vụ đào tạo một đội ngũ cán bộ sau đại học để tiếp bước làm công tác nghiên cứu.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, trải qua



*Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia Đỗ Thanh Tùng phát biểu nhậm chức*

nhiều thời kỳ đổi tên, sáp nhập và đến ngày hôm nay được thành lập lại, Viện Kiến trúc quốc gia đã có lịch sử phát triển lâu dài, đội ngũ cán bộ, viên chức, nhà khoa học của Viện đã có nhiều cố gắng và đóng góp quan trọng cho sự phát triển của nền kiến trúc nước nhà. Có thể nói hôm nay bộ mặt kiến trúc của Việt Nam đã có nhiều đổi mới, vừa có tính dân tộc vừa mang tính thời đại, đó là sự đóng góp của đội ngũ kiến trúc sư nói chung, và những người công tác tại Viện Kiến trúc quốc gia trong mỗi thời kỳ.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng khẳng định, việc thành lập lại Viện Kiến trúc quốc gia thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với việc phát triển kiến trúc Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa. Với vai trò rất lớn của Viện Kiến trúc quốc gia, Viện cần đi sâu nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu lý luận, phê bình và đưa ra những đề xuất về định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, những đặc trưng cơ bản và giá trị cốt lõi của kiến trúc Việt Nam, giữ gìn và bảo tồn các di sản kiến trúc..., xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực kiến trúc giúp cho công tác quản lý nhà nước về kiến trúc và đô thị... Để thực sự trở thành một cơ sở nghiên cứu khoa học hàng đầu về kiến trúc ở Việt Nam, Viện Kiến trúc quốc gia cần chú trọng nâng cao tiềm lực, đặc biệt là tiềm lực con người, có cơ chế thu hút nhân tài và các chuyên gia giàu kiến thức, kinh nghiệm và tâm huyết để giúp



Viện phát triển.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Lễ ra mắt Viện Kiến trúc quốc gia hôm nay là sự khởi đầu của một thời kỳ mới, là dịp để ôn lại bề dày truyền thống của Viện, chất lọc và phát huy truyền thống, hướng tới tương lai. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ tin tưởng, với truyền thống của Viện và với những hào khí mới, chắc chắn các cán bộ, viên chức, các nhà khoa học của Viện Kiến trúc quốc gia sẽ tự hào và phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Tại buổi Lễ ra mắt Viện Kiến trúc Quốc gia, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng đã trao Quyết

định bổ nhiệm ông Đỗ Thanh Tùng làm Viện trưởng và ông Vũ Đình Thành làm Phó Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia.

Nhân dịp Lễ ra mắt Viện Kiến trúc quốc gia và chuẩn bị đón mừng xuân Giáp Ngọ 2014, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã gửi lời chúc đến các cán bộ, các nhà khoa học lão thành, các cán bộ, viên chức của Viện Kiến trúc quốc gia một năm mới nhiều sức khỏe, thành công, gia đình an khang, thịnh vượng.

**Minh Tuấn**

## Hội nghị cán bộ viên chức và tổng kết công tác năm 2013 của Viện Vật liệu xây dựng

Ngày 17/01/2014, Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức, tổng kết công tác năm 2013 - nhiệm vụ kế hoạch năm 2014. Đồng chí Cao Lại Quang, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng thường trực Bộ Xây dựng đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu, Viện trưởng Viện VLXD - PGS.TS Lương Đức Long, Chủ tịch Hội VLXD Việt Nam Trần Văn Huỳnh và đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng, ban lãnh đạo và cán bộ, viên chức của Viện VLXD.

Báo cáo tại Hội nghị về các mặt hoạt động của Viện VLXD, PGS.TS Lương Đức Long cho biết, năm 2013 là một năm nền kinh tế trong nước có rất nhiều khó khăn, gây tác động không nhỏ đến ngành Xây dựng, mặc dù vậy, với sự đoàn kết, nhất trí và nỗ lực của toàn thể cán bộ, viên chức, Viện VLXD đã hoàn thành được kế hoạch đề ra, làm tiền đề cho sự phát triển mạnh và bền vững trong những năm tiếp theo.

Năm 2013, Viện VLXD đã triển khai 71 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học từ các nguồn vốn khác nhau, trong đó có 46 nhiệm vụ vốn



*PGS. TS Lương Đức Long báo cáo tại Hội nghị*

ngân sách nhà nước, 11 nhiệm vụ vốn ngân sách địa phương, 06 nhiệm vụ vốn doanh nghiệp, 08 nhiệm vụ vốn từ quỹ phát triển khoa học công nghệ của Viện, với tổng giá trị là 19,321 tỷ đồng. Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học của Viện đã được thực hiện nghiêm túc, có chất lượng và tính ứng dụng cao trong thực tiễn và việc triển khai cơ bản đáp ứng tiến độ đề ra.

Hoạt động sự nghiệp có thu trong năm 2013 của Viện VLXD đạt 100,42 tỷ đồng, đạt 100,42% kế hoạch năm, bao gồm hoạt động kiểm định vật liệu xây dựng, tư vấn, cung cấp sản phẩm, thi công sửa chữa công trình và các



Thủ tướng Cao Lại Quang phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Thủ tướng Cao Lại Quang trao Cờ thi đua Chính phủ cho Viện VLXD

hoạt động khác.

Công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ công tác quản lý nhà nước của Viện VLXD năm 2013 có nhiều tiến bộ; Đã có 31/34 nhiệm vụ được nghiệm thu trong năm kế hoạch, đạt 91,17%, chất lượng các đề tài dự án được nâng lên một bước; Viện tích cực tham gia công tác phục vụ quản lý nhà nước, đáp ứng được yêu cầu quản lý Ngành ở cấp Trung ương và địa phương thông qua các quy hoạch VLXD do Viện thực hiện.

Theo PGS.TS. Lương Đức Long, với đặc điểm là Viện nghiên cứu đầu ngành trong lĩnh vực VLXD, bên cạnh việc phát huy thế mạnh và cơ sở vật chất, Viện VLXD luôn quan tâm, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Viện đã xây dựng các quy chế khuyến khích, hỗ trợ cán bộ viên chức học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ... trong đó có việc hỗ trợ, thanh toán học phí và khen thưởng. Công đoàn, đoàn thanh niên và các đoàn thể quần chúng của Viện trong năm 2013 hoạt động rất tích cực và có nhiều thành tích, đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ viên chức tiếp tục được cải thiện so với năm 2012 với mức thu nhập bình quân 8,75 triệu đồng/người/tháng.

Với những thành tích hoạt động năm 2013, Viện Vật liệu Xây dựng đã vinh dự được tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, nhiều

tập thể và cá nhân được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Xây dựng và nhiều danh hiệu khác.

Hội nghị cán bộ, viên chức và tổng kết công tác năm 2013 - nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 của Viện Vật liệu xây dựng đã bầu ra Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2014-2015 và thông qua Nghị quyết Hội nghị.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thủ tướng Cao Lại Quang ghi nhận, đánh giá cao và biểu dương và chúc mừng những thành tích đạt được của Viện VLXD trong năm 2013, đồng thời bày tỏ đồng tình với kế hoạch năm 2014 của Viện VLXD.

Thủ tướng Cao Lại Quang cho biết, năm 2014, nhiệm vụ đặt ra cho ngành Xây dựng là rất nặng nề, tập trung vào 5 vấn đề lớn, bao gồm việc hoàn thiện hệ thống thể chế, cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và thị trường bất động sản; Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng, chống lãng phí, thất thoát trong xây dựng cơ bản, nâng cao chất lượng công trình xây dựng; Tiếp tục tăng cường quản lý các đô thị, đảm bảo phát triển đô thị bền vững theo quy hoạch, kế hoạch, quan tâm phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và xử lý môi trường; Quan tâm chăm lo nhà ở cho các đối tượng xã hội thông qua việc thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Tái cơ cấu doanh nghiệp và tăng cường năng lực cạnh tranh của ngành Xây dựng, trong đó có việc

ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Theo Thứ trưởng Cao Lại Quang, Viện VLXD có vai trò rất lớn đối với ngành Xây dựng, tiềm năng của Viện VLXD cũng rất nhiều, đặc biệt nguồn nhân lực của Viện là một tài nguyên quan trọng cần được bồi dưỡng và phát huy, đồng thời cần tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài cho việc nâng cao năng lực cán bộ

viên chức, hiện đại hóa cơ sở vật chất.

Nhân dịp năm mới Tết Giáp Ngọ 2014 sắp đến, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang gửi lời chúc Tết đến Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, viên chức Viện VLXD một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và gặp hái được nhiều thành công.

**Minh Tuấn**

## **Hội nghị triển khai công tác năm 2014 của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị**

Ngày 18/01/2014, Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị Bộ Xây dựng (HUD) đã tổ chức Hội nghị triển khai công tác năm 2014 nhằm tổng kết tình hình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch và công tác Đảng năm 2013, xây dựng kế hoạch năm 2014. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam và Phó Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương Nguyễn Quang Dương đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty (TCty) HUD Nghiêm Văn Bang, Tổng Giám đốc Nguyễn Đức Hùng, Phó Chủ tịch Công đoàn XĐVN Đỗ Văn Quảng và các đại biểu đại diện các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, các tổ chức tín dụng - ngân hàng là đối tác của TCty HUD, Ủy viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các Phòng, Ban, các công ty con, công ty liên kết của TCty HUD.

Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 của TCty HUD, Tổng Giám đốc Nguyễn Đức Hùng cho biết, năm 2013 trong bối cảnh nền kinh tế đất nước vẫn còn khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng, thị trường xây lắp thu hẹp..., TCty HUD đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua các thách thức. Kết quả, TCty đã hoàn thành kế hoạch năm, với giá trị SXKD 7.087 tỷ đồng; giá trị đầu



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị*

tư 2.356 tỷ đồng; doanh thu 6.406 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 265 tỷ đồng; nộp ngân sách 493 tỷ đồng; thực hiện 120 nghìn m<sup>2</sup> sàn nhà ở; thu nhập bình quân 5 triệu đồng/người...

Trong lĩnh vực đầu tư phát triển đô thị và nhà ở, với phương châm đầu tư gắn với kinh doanh, an toàn nguồn vốn, HUD tập trung nguồn lực vào các dự án trọng điểm, các dự án có khả năng kinh doanh, sắp hoàn thành, bảo đảm tính thanh khoản trong hoạt động SXKD... như dự án VP2 - VP4 lõi Bán đảo Linh Đàm, CC2 Văn Quán, Tây Nam Linh Đàm, Việt Hưng, Đông Sơn, Đông Tăng Long... Tiết kiệm chi phí trong đầu tư, giảm giá thành sản phẩm trong tất cả các khâu được TCty đặc biệt quan tâm để đảm bảo hiệu quả. Về đầu tư lĩnh vực khác,

TCTy chỉ chủ yếu tiếp tục đầu tư dự án tòa nhà văn phòng cho thuê HUD TOWER, cơ bản hoàn thành phần thô trong năm 2013.

Trong phát triển nhà ở xã hội (NOXH), TCTy đã hoàn thành dự án NOXH An Bình tại Nha Trang (Khánh Hòa); khởi công dự án khu chung cư cao tầng phường Phú Sơn - Thanh Hóa; hoàn thành cơ bản các thủ tục cần thiết để triển khai thi công các công trình NOXH tại dự án KĐT Tây Nam Linh Đàm, KĐT Nam TP Thanh Hóa; và hiện đang tích cực chuẩn bị thủ tục triển khai các dự án NOXH tại KĐT Thanh Lâm - Đại Thịnh 2, Nam An Khánh, Nam Linh Đàm, Giang Biên, Kiến Hưng tại Hà Nội và một số dự án tại các vùng kinh tế trọng điểm khác trong các năm tiếp theo.

Giá trị sản xuất kinh doanh nhà và hạ tầng của TCTy HUD trong năm 2013 đạt 2.309 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33% trong kế hoạch sản xuất kinh doanh của TCTy, tập trung chủ yếu tại một số dự án: Tây Nam Linh Đàm, Việt Hưng, Pháp Vân - Tứ Hiệp, P3 Phương Liệt, HUD3 Tower (Hà Nội), Đông Sơn (Thanh Hóa), Phước An (Đồng Nai), Phước Long (Khánh Hòa)...

Trong lĩnh vực thi công xây lắp, các đơn vị thành viên của HUD duy trì hợp lý cơ cấu giữa hoạt động đầu tư và xây lắp. Phát huy thế mạnh sẵn có, một số đơn vị tích cực đấu thầu xây lắp công trình bên ngoài TCTy, các dự án có nguồn vốn được xác định rõ ràng..., tạo nguồn thu, đồng thời giải quyết công ăn việc làm cho người lao động...

Đặc biệt, năm 2013 cũng là năm đánh dấu bước ngoặt trong đổi mới hệ thống quản trị DN của TCTy. HĐQT TCTy được Bộ Xây dựng bổ nhiệm đã phát huy vai trò đại diện chủ sở hữu vốn tại đơn vị. Đề án tái cơ cấu TCTy đến năm 2015, có tính đến năm 2020 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt. Hiện tại, TCTy đang triển khai đề án tái cơ cấu theo lộ trình được duyệt và triển khai xây dựng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong Cty mẹ - TCTy...

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong



*Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao Huân chương Lao động cho các cá nhân có thành tích xuất sắc của TCTy HUD*

năm 2013, TCTy HUD cũng còn một số tồn tại, hạn chế: Các chỉ tiêu giá trị SXKD, đầu tư phát triển của TCTy trên mọi lĩnh vực còn thấp hơn so với năm 2012. Công tác thu hồi công nợ mặc dù đã có nhiều giải pháp quyết liệt nhưng chưa đạt được như kế hoạch. Hàng tồn kho lớn, tiến độ giải ngân các dự án còn chậm do chưa có nguồn thu kịp thời. Công tác phát triển NOXH chưa đạt được yêu cầu đề ra. Một số Cty con còn hoạt động kém hiệu quả...

Bước sang năm 2014, TCTy HUD phấn đấu thực hiện chỉ tiêu kế hoạch: Giá trị SXKD 7.554 tỷ đồng; giá trị đầu tư 2.459 tỷ đồng; doanh thu 6.643 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 271 tỷ đồng; nộp ngân sách 522 tỷ đồng; thực hiện 126 nghìn m<sup>2</sup> sàn nhà ở; thu nhập bình quân 5,5 triệu đồng/người...

TCTy HUD cũng đã đề ra 4 mục tiêu trọng tâm bao gồm: tập trung tối đa nguồn lực, khắc phục khó khăn, tháo gỡ các rào cản để triển khai, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2014 theo các chỉ tiêu đã đề ra; Triển khai các dự án phát triển NOXH tại KĐT Tây Nam Linh Đàm, Nam TP Thanh Hóa, hoàn thành thủ tục đầu tư và xây dựng dự án NOXH tại Long Biên, Kiến Hưng, Nam An Khánh; Triển khai đề án tái cơ cấu TCTy theo đúng quy định, đúng lộ trình được phê duyệt. rà soát, xây dựng các quy chế, quy định cần thiết để tổ chức quản lý, điều hành hoạt động SXKD của đơn vị; hoàn thiện

cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, chú trọng kiểm toán rủi ro tài chính.

Phát biểu tại hội nghị, Phó Bí thư Đảng ủy Khối DN Trung ương Nguyễn Quang Dương và Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đánh giá cao những nỗ lực khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2013 của TCty HUD.

Theo Phó Bí thư Đảng ủy Khối DN Nguyễn Quang Dương, Đảng bộ TCty HUD cần phải đổi mới phương thức lãnh đạo, xác định rõ vị trí, vai trò của từng tổ chức Đảng, tạo sự thống nhất cao trong Đảng và trong toàn TCty. Đảng bộ TCty HUD cần có sự thống nhất về nhận thức và hành động, tạo sự đoàn kết, đồng thuận cao trong thực hiện, triển khai tái cơ cấu DN theo đề án được phê duyệt. Đảng bộ TCty HUD tăng cường bàn và đề ra các nghị quyết chuyên đề, như nghị quyết chuyên đề về tái cơ cấu DN để lãnh đạo nhiệm vụ chính trị, lãnh đạo hoạt động của đơn vị hiệu quả.

Chia sẻ với những khó khăn của HUD trong bối cảnh hiện nay, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và những kết quả đạt được của TCty HUD trong năm 2013, lãnh đạo Bộ Xây dựng cũng cảm thấy yên tâm vì doanh nghiệp đã và đang nỗ lực vượt qua những khó khăn, thách thức. Để tạo những bước phát triển mới trong năm 2014, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng thẳng thắn phân tích các tồn tại hiện nay và chỉ đạo TCty HUD cần có giải pháp khắc phục nhanh trong năm 2014.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, TCty HUD còn thiếu sự linh hoạt và quyết liệt trong các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh,

giải quyết hàng tồn kho, thu hồi công nợ, thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội và tái cơ cấu sản phẩm; Mô hình quản lý dịch vụ nhà ở và đô thị của TCty HUD bộc lộ nhiều bất cập, phí dịch vụ thấp, còn phải bù lỗ; TCty chưa mạnh dạn thoái vốn, bán, chuyển nhượng các dự án không hiệu quả.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, đối với doanh nghiệp thì vấn đề dòng tiền và tính thanh khoản là rất quan trọng. Do vậy, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam yêu cầu TCty HUD cần đưa ra các giải pháp bán hàng linh hoạt để giảm lượng tồn kho, tập trung nguồn lực cho các dự án có hiệu quả, thu được tiền nhanh và đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội để củng cố thương hiệu, tạo công ăn việc làm cho người lao động đồng thời vẫn có lợi nhuận. Bên cạnh đó, cùng với việc triển khai đề án tái cơ cấu theo lộ trình được phê duyệt, TCty HUD cần nhanh chóng hoàn thiện bộ máy, mô hình quản lý, đoàn kết, quyết liệt thực hiện các giải pháp khắc phục khó khăn, tập trung SXKD hiệu quả...

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên TCty HUD Nghiêm Văn Bang cam kết, lãnh đạo TCty sẽ có những biện pháp quyết liệt hơn trong tổ chức thực hiện nhằm hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ SXKD. TCty sẽ lấy ý kiến tập thể, tạo sự đồng thuận cao trong việc xây dựng và triển khai các nghị quyết chuyên đề, nhất là chuyên đề phát triển NOXH. HUD sẽ đoàn kết, nhất trí trong lãnh đạo, chỉ đạo để năm 2014 TCty có chuyển biến tốt trong mọi mặt hoạt động.

**Minh Tuấn**

## **Cơ sở khoa học của công tác cải cách thể chế trong lĩnh vực phát triển đô thị ở Liên bang Nga**

Thực trạng hiện nay của hệ thống phân bố dân cư tại các thành phố, thị trấn và điểm dân cư nông thôn nổi lên những vấn đề bức xúc,

các xu hướng ổn định và đáng lo ngại. Tốc độ ngày càng tăng và quy mô ngày càng mở rộng hơn của những xu hướng đó gây nên sự lo ngại

đặc biệt.

Kết quả điều tra dân số quốc gia năm 2010 cho thấy tình trạng trì trệ, suy giảm dân số và suy thoái ở nông thôn, tại các đô thị nhỏ, trung bình và thậm chí là các đô thị lớn và rất lớn đã trầm trọng hơn. Từ năm 2002 đến 2010 trên 2.000 điểm dân cư nông thôn đã biến mất, còn số lượng điểm dân cư mà trong đó "không có người" hoặc có số dân dưới 10 người đã tăng từ 47.000 lên 56.000. Những điểm dân cư đó đang đứng trước nguy cơ bị suy giảm dân số và cuối cùng là hoàn toàn biến mất. Dân số trung bình của các đô thị mà vào năm 2002 dân số đạt dưới 100.000 người, trong 8 năm qua đã giảm từ 30.000 dân xuống còn 25.000 dân. Số dân của mỗi một trong số 931 đô thị loại trên đã giảm khoảng 5.000 người (bằng 17% dân số). Còn đối với đô thị mà dân số trung bình vào năm 2002 trong khoảng 100.000 - 500.000 thì trong 8 năm qua đã giảm từ 212.000 xuống còn 198.000 người. Trung bình, số dân của mỗi đô thị trong số 134 đô thị loại trên, trong 8 năm qua đã giảm 14.000 người (bằng 7% dân số).

Đồng thời, tổng dân số của các đô thị mà vào năm 2002 dân số đạt trên 1 triệu người đã tăng từ 26,4 triệu người lên 29 triệu người (tăng 9,8%), trong đó thành phố Mátxcova tăng thêm 1,4 triệu người, Xanh Pêtecua - 200.000 người và có thêm 9 đô thị - triệu dân với trung bình là 35.000 người cho mỗi đô thị đó. Trong khi đó số dân của các thành phố Perm và Nizhny Novgorod đều giảm.

Cần đặc biệt lưu ý rằng sự "phân cực" trong quá trình phân bố dân cư đã bắt đầu diễn ra từ cuối thập niên 80 của thế kỷ trước trong bối cảnh tình trạng dân số Liên bang Nga giảm liên tục. Từ năm 2002 đến năm 2010 dân số giảm tại 6 trong 8 vùng đô thị thuộc Liên bang, tại 63 trong số 83 chủ thể của Liên bang và tại khoảng 90% các địa phương trực thuộc chủ thể Liên bang.

Đặc tính ổn định và ít thay đổi của xu hướng phân bố dân cư đã hình thành cho phép với một

xác suất hợp lý dự báo rằng đến năm 2030 các quá trình suy giảm dân số và suy thoái trong hệ thống phân bố dân cư có thể bao gồm hơn 90% diện tích của "dải phân bố dân cư cơ bản" đã được hình thành từ trước đến nay, bao phủ lên một diện tích khoảng 6 triệu km<sup>2</sup> (khoảng 35% diện tích lãnh thổ của Liên bang Nga). Hơn 60% dân số nước Nga sống tập trung ở các thành phố lớn nhất đất nước và các khu vực ngoại thành của các thành phố này - tại các vùng đô thị, chiếm dưới 8% diện tích lãnh thổ của nước Nga. Kết quả của các quá trình này sẽ là khoảng 20 triệu người buộc phải thay đổi nơi cư trú, phải tìm kiếm chỗ ở mới, việc làm mới và phương tiện mới để sinh sống.

Lưu ý rằng các quá trình mà đã được hình thành trong sự phát triển của các khu dân cư và của hệ thống phân bố dân cư, hiện nay đã và đang vượt ra ngoài quy mô của các loại hình điểm dân cư như thôn xóm, đô thị vừa và nhỏ, đô thị đơn ngành, địa phương và vùng. Các quá trình này mang đặc tính hệ thống và quy mô quốc gia. Chúng ta có thể nhận thấy đang diễn ra hiện tượng "nén" các khu vực địa lý, "để trống" các khu vực lãnh thổ được khai khẩn và các khu dân cư đã được xây dựng, sự suy yếu của mạng lưới các trung tâm hỗ trợ và làm nền tảng cho sự phát triển của các khu vực chiến lược quan trọng ở vùng Viễn Đông và Siberia, các khu vực phía Bắc và khu vực biên giới. Sự đa dạng đã được hình thành trong lịch sử về loại hình, vị trí địa lý và kinh tế - xã hội của các điểm dân cư đô thị và nông thôn đang bị mất dần; đây là một loại "quỹ gen" là cơ sở vật chất cho nền văn hoá đa dạng của nước Nga, cho sự phát triển bền vững và sự chuyển đổi nền kinh tế quốc gia. Sự mất đi đặc tính đa dạng là dấu hiệu đáng lo ngại về sự khủng hoảng của một hệ thống phức tạp trong tự nhiên và xã hội.

Mặt khác, sự tăng nhanh dân số của các vùng đô thị lớn (do di dân ồ ạt từ các tỉnh và từ khu vực biên giới gần) đang làm căng thẳng và trầm trọng hơn các vấn đề giao thông và sinh

thái, tăng nhu cầu xây dựng nhà ở hàng loạt theo mẫu, việc làm không đòi hỏi trình độ chuyên môn. Các quá trình này ngăn cản sự hình thành môi trường phát triển đô thị (PTĐT) có khả năng thu hút các loại hình hoạt động sáng tạo mới với hàm lượng tri thức cao. Kết quả sẽ là sự nảy sinh tình trạng “không ăn khớp” mà ngày càng bức xúc hơn giữa các mục tiêu chiến lược khách quan hướng tới nâng cao một cách căn bản chất lượng cuộc sống, hiện đại hóa và chuyển đổi nền kinh tế nước Nga và dẫn đến môi trường vật chất - không gian như đô thị, nông thôn và hệ thống phân bố dân cư nói chung không tương thích với các mục tiêu đặt ra.

Thực trạng hiện nay của các điểm dân cư đô thị và nông thôn và công tác PTĐT tại Liên bang Nga bắt nguồn từ những nguyên nhân là các yếu tố chủ quan và khách quan như sau:

- Yếu tố khách quan: Do hậu quả của các quá trình khủng hoảng và biến đổi sâu sắc trong xã hội, nền kinh tế và nhà nước trong những năm 80, những năm 90 của thế kỷ XX và đầu những năm 2000.

- Yếu tố chủ quan: Do nhận thức của cộng đồng nói chung và trong các cơ quan công quyền nói riêng còn chưa hiểu rõ vai trò của một môi trường PTĐT an toàn và tiện nghi, nền kinh tế bền vững của đô thị và nông thôn, sự tổ chức hợp lý không gian của một hệ thống phân bố dân cư cần thiết (mà trong thế giới hiện đại thì đó là một điều kiện quyết định) cho sự phát triển bền vững và năng động của đất nước.

Từ đầu thập niên 1990 đến nay chiến lược cấp nhà nước và quốc gia và chính sách trong lĩnh vực PTĐT, bảo tồn, khôi phục và phát triển của các đô thị và điểm dân cư nông thôn ở nước Nga còn chưa được xây dựng, làm rõ và giới thiệu bằng các văn bản chương trình của các cơ quan chính quyền nhà nước cấp cao. Hệ thống các thể chế pháp lý " chống khủng hoảng" có hiệu quả, các thể chế xã hội và nghề nghiệp trong lĩnh vực PTĐT còn chưa được hình thành.

Bộ luật PTĐT Liên bang Nga không đủ khả năng giải quyết các vấn đề về cơ cấu và mục tiêu chiến lược của PTĐT do lĩnh vực này đòi hỏi có các giải pháp được ban hành riêng, cần thiết ban hành luật liên bang riêng hoặc văn bản pháp luật cấp liên bang khác, ví dụ việc tổ chức Thế vận hội Olympic ở Sochi và diễn đàn APEC, việc thành lập Trung tâm sáng tạo “Skolkovo”, việc sáp nhập một phần lãnh thổ của tỉnh Mátxcova vào thủ đô Mátxcova.

Việc giải quyết một cách căn bản các vấn đề nêu trên đòi hỏi thực hiện cải cách cơ bản và nhất quán trong lĩnh vực PTĐT.

Các mục tiêu của công cuộc cải cách lĩnh vực PTĐT tại Liên bang Nga cần phải:

- Trước hết, ngăn chặn những quá trình trì trệ và xuống cấp đáng lo ngại nhất đối với các điểm dân cư và hệ thống phân bố dân cư, ngăn chặn các yếu tố (trước hết là yếu tố chủ quan) là nguyên nhân tạo ra các quá trình đó;

- Trong thời gian trung hạn, đạt được "bước đột phá" xoá bỏ các xu hướng bất lợi;

- Trong triển vọng dài hạn (đề nghị là vào năm 2030 ), hồi sinh, khôi phục các mắt xích đang bị xuống cấp của hệ thống phân bố dân cư, bảo đảm cho sự chuyển hệ thống phân bố dân cư và từng đô thị và điểm dân cư nông thôn sang trạng thái phát triển cân đối, bền vững và năng động.

Rõ ràng, việc cải cách lĩnh vực PTĐT phải dựa trên kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực lý luận và thực tiễn của hoạt động PTĐT hiện đại.

Vào đầu thế kỷ XXI quá trình đô thị hoá trên thế giới phải đối mặt với "thách thức" mới. Quá trình toàn cầu hóa của nền kinh tế, việc tạo ra các mô hình công nghệ mới, sự hình thành xã hội thông tin với cơ cấu xã hội đặc trưng của nó cùng với một hệ thống các giá trị đặc trưng đòi hỏi môi trường PTĐT phải có chất lượng mới, các hình thức mới phân bố dân cư và tổ chức không gian đô thị, hệ thống kết cấu hạ tầng mới và công nghệ xây dựng mới.

Nhiệm vụ cấp bách của cộng đồng PTĐT chuyên nghiệp của nước Nga không chỉ là tìm giải pháp cho các vấn đề hiện nay, mà còn phải đối phó thích hợp với những thách thức đối với nước Nga trong thế kỷ XXI .

Trong 20 năm qua tại Phân viện PTĐT trực thuộc Viện Hàn lâm Kiến trúc và xây dựng Liên bang Nga đã hình thành cơ sở khoa học cơ bản giúp cho việc giải quyết các vấn đề cấp bách, xây dựng cơ sở khoa học và luận cứ cho công cuộc cải cách hoạt động PTĐT tại Liên bang Nga. Đó là các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực lý luận, phương pháp luận và thực tiễn PTĐT do các nhà khoa học là các viện sỹ, viện sỹ thông tấn, viện sỹ danh dự của Viện hàn lâm Kiến trúc và xây dựng Nga thực hiện. Đặc biệt phải kể đến công trình nghiên cứu Học thuyết PTĐT Liên bang Nga được khởi thảo vào đầu thập niên 1990 do Viện sỹ I. M. Cmolyar thực hiện sau đó được bổ sung bởi công trình nghiên cứu của các Viện sỹ S.B. Chystyakovaya, V.Y. Travush và A.V. Kuzmin được trình bày tại các hội nghị của Viện trong thời gian 2008 - 2011.

Để bắt đầu thực hiện cải cách cần thiết tạo ra các điều kiện xuất phát, đó là soạn thảo các văn bản nền tảng xác định ý nghĩa và nội dung của cuộc cải cách thể hiện ý chí chính trị của nhà nước để thực hiện các biện pháp cải cách trong sự phối hợp với cộng đồng dân cư và cần thiết đạt được mục tiêu cải cách. Các văn bản nêu trên cần phải gồm có Học thuyết PTĐT của Liên bang Nga xác định nguyên tắc chỉ đạo, mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ ưu tiên của chính sách PTĐT quốc gia và các văn bản xác định chiến lược và chiến thuật thực hiện Học thuyết PTĐT (Tổng sơ đồ phân bố dân cư trên lãnh thổ Liên bang Nga và Chiến lược cải cách thể chế lĩnh vực PTĐT tại Liên bang Nga).

Những văn bản nêu trên cần nêu ra giải pháp cho các vấn đề cơ bản sau đây:

- **Một là**, xác định các quan điểm khởi đầu của chính sách PTĐT quốc gia, bao gồm:

+ Xác định vai trò của công tác tổ chức hợp

lý không gian lãnh thổ, môi trường PTĐT an toàn và tiện nghi như một trong các điều kiện cần thiết, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển bền vững và năng động của nước Nga;

+ Công nhận sự hình thành môi trường không gian thân thiện với con người, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội và hiện đại hóa nền kinh tế là một nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà nước và cộng đồng đối với công tác PTĐT;

+ Xác định và làm rõ những vấn đề mấu chốt của công tác PTĐT hiện đại và tiến hành phân tích khoa học một cách khách quan đối với thực trạng của công tác PTĐT;

- **Hai là**, xây dựng các nguyên tắc chỉ đạo và các định hướng chiến lược cho chính sách PTĐT quốc gia của Liên bang Nga. Chính sách PTĐT quốc gia cần đạt những kết quả sau:

a. *Đối với công tác phân bố dân cư:*

+ Loại bỏ những quá trình mà một mặt đang gây ra sự xuống cấp của hệ thống các điểm dân cư nằm trong dải phân bố dân cư cơ bản đã hình thành trước đây và tại các khu vực chiến lược ở Vùng Viễn Đông, Siberia và Cực Bắc, tại các khu vực biên giới, mặt khác đang tạo ra tình trạng "tập trung quá mức" dân cư ở các vùng đô thị lớn nhất đất nước;

+ Hình thành bộ khung không gian nhiều cấp của một hệ thống phân bố dân cư thống nhất, bắt đầu từ mạng lưới các trung tâm dịch vụ cấp một tại các khu vực nông thôn cho đến các trung tâm liên vùng, có ý nghĩa quốc gia và quốc tế, bổ sung cho Mátxcova và Xanh - Pêtecbua;

+ Tái lập và nhân rộng sự đa dạng về chức năng, địa hình và môi trường của các loại điểm dân cư như các điểm dân cư nông thôn, các đô thị lớn và nhỏ, đa năng và chuyên môn hoá, các đô thị lịch sử và đô thị mới ;

+ Tăng căn bản mức độ kết nối giao thông cho toàn bộ mạng lưới các điểm dân cư, khắc phục tình trạng cô lập về giao thông tại các tỉnh, bảo đảm sự kết nối giao thông tin cậy và bền vững giữa tất cả các điểm dân cư với các trung



tâm gần và giữa các điểm dân cư với nhau;

+ Phát triển có sự quản lý đối với các vùng đô thị, các thực thể không gian loại "lớn hơn vùng đô thị hóa" đang hình thành và có tiềm năng; đó là các vùng đô thị hóa lớn như các vùng đô thị trực thuộc Liên bang ở miền Trung, Tây Bắc, Privolga, Siberia và Viễn Đông;

*b. Đối với sự phát triển của các đô thị và các điểm dân cư khác:*

+ Nâng cao mức độ an toàn của môi trường PTĐT đối với cuộc sống và sức khỏe của con người và môi trường sống;

+ Hình thành môi trường PTĐT tiện nghi về mặt xã hội (nhà ở phù hợp, giáo dục phổ thông, bảo trợ xã hội, các dịch vụ y tế, xã hội - đời sống, việc làm, thông tin, giải trí và giao lưu);

+ Bảo tồn, khôi phục và tái thiết các di sản đô thị lịch sử - các đô thị lịch sử và điểm dân cư nông thôn lịch sử, môi trường lịch sử và các mô hình đô thị được phát triển qua các giai đoạn khác nhau trong lịch sử hiện đại, cảnh quan lịch sử và văn hóa có giá trị và các địa điểm kỷ niệm. Cần tìm ra các phương pháp hợp lý tích hợp các di sản PTĐT vào xã hội hiện đại;

+ Tạo điều kiện cho sự đổi mới trong PTĐT - tìm kiếm các giải pháp mới về quy hoạch - chức năng và không gian - kiến trúc, các kiểu nhà và công trình mới, các hệ thống giao thông mới, các hệ thống mới bảo đảm kỹ thuật tiết kiệm năng lượng, các giải pháp thiết kế mới và các công nghệ xây dựng mới;

+ Tạo điều kiện cho sự hoạt động ổn định và sự phát triển kinh tế bền vững của đô thị và nông thôn, sự hình thành ngân sách địa phương, tạo việc làm và bảo đảm việc làm cho dân cư.

- **Ba là**, cần xác định các nguyên tắc cơ bản và định hướng chiến lược cho công cuộc cải cách thể chế trong PTĐT tại Liên bang Nga. Việc thực hiện các nguyên tắc và định hướng nêu trên sẽ góp phần:

+ củng cố cơ sở hiến pháp của chính sách PTĐT quốc gia, trong đó cần phải tìm cách thể

hiện vai trò chính trị - xã hội và kinh tế - xã hội của điểm dân cư trong Hiến pháp Liên bang Nga; nghĩa vụ của nhà nước thực hiện chính sách PTĐT và trách nhiệm của các cơ quan chức năng của chính quyền nhà nước đối với kết quả thực hiện chính sách đó; vị trí của công tác PTĐT và pháp luật PTĐT trong các lĩnh vực được Hiến pháp quy định là nhà nước và các chủ thể của Liên bang Nga cùng phối hợp thực hiện; cơ sở tài chính và kinh tế cho sự phát triển bền vững các điểm dân cư;

+ Trong các điều kiện mới về chính trị - xã hội và kinh tế xã hội tiến hành khôi phục tính đồng bộ về quy hoạch không gian tại tất cả các cấp đơn vị hành chính lãnh thổ (từ từng điểm dân cư, từng tỉnh, từng vùng cho đến cả nước nói chung). Khắc phục tình trạng không phù hợp hình thành một cách nhân tạo giữa quy hoạch lãnh thổ và quy hoạch kinh tế - xã hội, giữa quy hoạch mang tính tách biệt mà thực chất là trực thuộc bộ và cơ quan ngang bộ đối với các công trình cấp liên bang, vùng và địa phương trên cùng một khu vực lãnh thổ;

+ Thiết lập thể chế pháp lý cho việc thực hiện quy hoạch không gian đồng bộ phát triển các vùng đô thị rất lớn và lớn;

+ Thiết lập thể chế pháp lý có hiệu quả cho việc triển khai thực hiện các hồ sơ quy hoạch lãnh thổ. Thể chế đó nên bao gồm những nội dung sau đây:

a) Các chương trình và dự án của nhà nước, của địa phương, của tập thể và của nhiều bên tham gia, đã đạt được sự nhất trí cao trong một kế hoạch thống nhất (được lập trên cơ sở các nguyên tắc của quan hệ đối tác công - tư, quan hệ đối tác địa phương - tư nhân);

b) Các cơ chế thực hiện chính sách tài chính - ngân sách, đầu tư, thuế - phí đã được xác lập nhằm mục tiêu triển khai thực hiện các văn bản quy hoạch lãnh thổ; điều chỉnh các quan hệ đất đai - tài sản; việc sử dụng đất và các công trình xây dựng; cải tạo đồng bộ và chuẩn bị đồng bộ các khu đất - hay còn gọi là

“việc quản lý PTĐT”; sự kiểm tra và giám sát của nhà nước và địa phương đối với việc thực hiện quy hoạch lãnh thổ;

c) Hình thành một hệ thống thống nhất của quốc gia về quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy phạm PTĐT, các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá chất lượng môi trường PTĐT;

d) Xây dựng các thể chế pháp lý hiệu quả bảo đảm sự đối thoại mang tính chất xây dựng giữa chính quyền, người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp PTĐT;

e) Xây dựng hệ thống các thể chế ngành nghề có hiệu quả trong công tác PTĐT, gồm có những nội dung sau:

- Thành lập các Hội đồng chuyên gia tư vấn trực thuộc Tổng thống, Thủ tướng và Hội đồng nghị viện liên bang;

- Thành lập các trung tâm khoa học - phương pháp cấp Liên bang (cấp Liên vùng) về PTĐT;

- Xây dựng hệ thống các cơ sở đào tạo ngành nghề bậc đại học chính quy trong lĩnh vực PTĐT theo hướng cung cấp cán bộ cho các cơ quan chính quyền nhà nước, các cơ quan

chính quyền địa phương, lĩnh vực thiết kế PTĐT và quản lý PTĐT, nhằm phục vụ cho việc lập và thực hiện các chương trình và dự án đồng bộ PTĐT.

Từ những vấn đề được nêu ở phần trên, các nhiệm vụ ưu tiên của Viện hàn lâm Kiến trúc và xây dựng Liên bang Nga nhằm bảo đảm cơ sở khoa học cho chính sách PTĐT quốc gia cần bao gồm những nội dung sau:

- Tiến hành các nghiên cứu khoa học cơ bản về quá trình vận hành và phát triển của các điểm dân cư và của hệ thống phân bố dân cư;

- Trong khuôn khổ Chương trình nghiên cứu khoa học của Viện giai đoạn 2013 - 2020, tiến hành dự thảo Học thuyết PTĐT Liên bang Nga và cơ sở khoa học cho việc lập Tổng sơ đồ phân bố dân cư trên lãnh thổ Liên bang Nga kể cả cơ sở khoa học cho công tác cải cách thể chế PTĐT ở Liên bang Nga.

**G.S. Yusin**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Nga, số 7/2013*

**ND: Huỳnh Phước**

## **Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng: Họp Tổ chuyên gia liên ngành về Chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch**

Ngày 21/01/2014, tại Bộ Xây dựng đã diễn ra buổi họp Tổ chuyên gia liên Ngành về Chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch. Tham dự buổi họp có Ông Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng - Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên ngành, Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch, ông Trần Quang Hưng - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Cấp thoát nước Việt Nam cùng với đại diện các Ngành có liên quan của Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công



*Toàn cảnh cuộc họp*

nghe, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đại diện của Ngân hàng Phát triển...

Tại buổi họp, PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng, Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên ngành, Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đã báo cáo về Tình hình triển khai nhiệm vụ năm 2013 và kế hoạch năm 2014 Chương trình Quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch. Theo báo cáo, trong thời gian qua, các Bộ, Ngành và Tổ chuyên gia liên ngành đã tập trung triển khai điều tra, đánh giá thực trạng về chống thất thoát, thất thu nước sạch; hướng dẫn triển khai chương trình tại các địa phương; tổ chức đào tạo nâng cao năng lực như phối hợp với các tổ chức quốc tế, Hội Cấp thoát nước Việt Nam tổ chức các lớp đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực quản lý, vận hành cho cán bộ; cùng với Hội Cấp thoát nước, các chi hội cấp thoát nước tổ chức Hội thảo về các giải pháp chống thất thoát, thất thu nước sạch tại Đà Nẵng, Kiên Giang và Quảng Ninh; với sự giúp đỡ của tổ chức JICA (Nhật Bản) tổ chức được 8 đoàn cán bộ các địa phương và các Bộ, Ngành tham gia các chương trình ngắn hạn về nâng cao năng lực quản lý hệ thống cấp nước, các giải pháp chống thất thoát, thất thu nước sạch; phối hợp với tổ chức Danida (Đan Mạch) tổ chức Hội thảo tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh để đánh giá tổng thể về hiện trạng chống thất thoát, thất thu nước sạch tại các đô thị vừa và nhỏ thuộc Dự án hỗ trợ kỹ thuật về nghiên cứu các giải pháp chống thất thoát, thất thu nước do Đan Mạch tài trợ; phối hợp với Trung tâm KEITI (Hàn Quốc) tổ chức Hội thảo để đánh giá về cơ hội hợp tác và đầu tư trong lĩnh vực cấp nước và chống thất thoát thất thu nước sạch... Về hoạt động chống thất thoát thất thu nước sạch tại các địa phương: UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cấp nước xây dựng kế hoạch, đề cương dự án chống thất thoát, thất thu nước sạch. Tính đến

nay, đã có 57/63 tỉnh thành đã báo cáo kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước sạch và lập đề cương đăng ký dự án gửi về Cục Hạ tầng kỹ thuật. Nhiều đơn vị cấp nước các tỉnh đã chủ động triển khai các hoạt động về chống thất thoát, thất thu nước sạch, trong đó tập trung chủ yếu vào các hoạt động như trang bị phần mềm, thiết bị quản lý mạng, trang thiết bị phát hiện rò rỉ... Dự án chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực I của TP. Hồ Chí Minh do WB tài trợ kết thúc vào tháng 6/2013 đến nay đã giúp tăng sản lượng ghi thu thêm 90.000 m<sup>3</sup>/ngđ cho khu vực I. Vùng II tuy mới triển khai được gần 20% khối lượng công việc dự kiến nhưng đã tăng ghi thu cho khu vực này 4.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Công ty cấp nước Đà Nẵng đã hoàn thành dự án hỗ trợ kỹ thuật do Chính phủ Hà Lan tài trợ. Dự án được đánh giá đạt kết quả cao, tỷ lệ thất thoát thất thu từ gần 40% (trước khi có dự án) và hiện giảm xuống đạt 20%. Tuy nhiên, tình hình triển khai Chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch trong năm 2013 còn tồn tại những hạn chế và khó khăn vướng mắc: Sự phối hợp giữa Bộ Xây dựng với các Bộ, Ngành khác chưa chặt chẽ, một số hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ của Chương trình. Các địa phương đã có kế hoạch triển khai chương trình song nguồn lực về tài chính lại có hạn. Các đơn vị cấp nước chưa áp dụng Thông tư Liên tịch số 75/TTLT TC-XD-NN ngày 15/5/2012 do chưa được hướng dẫn cụ thể. Các công ty cấp nước đang trong giai đoạn nghiên cứu, xác định các giải pháp...

Về kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình năm 2014: Các Bộ, ngành sẽ rà soát, xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về chống thất thoát, thất thu nước sạch. Ban Chỉ đạo Chương trình và Tổ chuyên gia liên ngành tổ chức một số chuyến công tác đến các địa phương nhằm đôn đốc, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tìm kiếm huy động các nguồn lực hỗ trợ

đầu tư các dự án chống thất thoát, thất thu nước sạch. Tổ chức các hội thảo, hội nghị chia sẻ kinh nghiệm, đào tạo nâng cao năng lực. Xây dựng kế hoạch 5 năm (2015 - 2019) triển khai thực hiện Chương trình. Cập nhật thông tin và duy trì trang web của Chương trình... UBND các tỉnh chỉ đạo các đơn vị cấp nước xây dựng dự án chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh và chỉ đạo triển khai thực hiện; Xây dựng và ban hành tỷ lệ giảm thất thoát, thất thu nước sạch hàng năm và 5 năm... Đơn vị cấp nước các tỉnh tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài sản trên cơ sở công nghệ GIS; sắp xếp bộ máy quản lý hợp lý...

Đại diện của các ngành có liên quan thuộc Tổ Chuyên gia cũng đã trình bày các ý kiến

đóng góp nhằm duy trì và giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch như các Bộ cần phối hợp chặt chẽ với nhau hơn, đồng thời kết hợp với các đơn vị địa phương để làm tốt công tác quản lý. Ngoài ra, cần tách riêng các số liệu và công bố thông tin về thất thu, thất thoát nước. Cần tổng kết kinh nghiệm và có chương trình phổ biến kinh nghiệm cho các đơn vị khác để Chương trình đi vào thực tiễn. Những vướng mắc trong việc áp dụng Thông tư liên tịch cần được sửa đổi và hướng dẫn cụ thể cho các địa phương. Ngân hàng Phát triển cũng sẽ tiếp tục hỗ trợ hoặc sử dụng các nguồn khác để hỗ trợ cho các dự án chống thất thoát nước sạch...

Kim Nhuận

## **Mô hình xây dựng nông thôn mới tại thôn Trúc Giang - Quế Lâm Trung Quốc**

Khu tự trị dân tộc Choang (Quảng Tây) triển khai hoạt động “Tô điểm Quảng Tây, nông thôn sạch đẹp”, đề ra yêu cầu và những chỉ đạo mới cho việc giải quyết vấn đề “tam nông” cũng như công tác xây dựng nông thôn mới mang tính chất hợp thành một thể thống nhất. Chính quyền thôn Trúc Giang thuộc vùng kinh tế du lịch Hoa Kiều- Quế Lâm triển khai công tác xây dựng và phát triển nông thôn mới, mạnh dạn tìm tòi và tư duy sáng tạo, có những cách triển khai công tác hiệu quả mà vẫn phù hợp với điều kiện của thôn... đã phát huy hết các ưu thế. Lấy hướng chủ đạo là thăm quan du lịch sinh thái, thôn Trúc Giang đã có những thay đổi đáng vui mừng, từ cơ cấu ngành công nghiệp với phương thức sản xuất lấy việc chăn nuôi gia súc và trồng trọt các loại thực phẩm, cây nông nghiệp truyền thống là chủ yếu chuyển đổi sang cơ cấu ngành công nghiệp lấy ngành dịch vụ du lịch, khách sạn nhà hàng, trồng ươm các loại hoa với phương thức hiện đại làm hướng phát triển chủ đạo. Từ đó, chuyển sang xây dựng nông thôn mới mang đậm bản sắc thôn xóm.

### **1. Tình hình cơ bản**

Thôn Trúc Giang là hợp nhất của sáu thôn nhỏ: Trúc Giang thượng, Trúc Giang hạ, Xa Đầu thượng, Xa Đầu hạ, Sa Châu, thôn Bờ Đầm. Thôn Trúc Giang với dân số trên 1.600 người được phân thành 8 nhóm với 449 hộ, đất canh tác trên 2.300 mẫu. Ngoài thôn Xa Đầu thượng đã bị di dời do thực hiện công tác di dời để tiến hành dự án, 5 thôn còn lại về cơ bản không có thay đổi gì nhiều. Nguồn kinh tế chủ yếu của người dân trong thôn vẫn là trồng trọt các loại cây nông nghiệp, như trồng lúa nước, hồng, các loại đậu. Chỉ riêng việc trồng trọt như thế này cũng đã đem lại cho họ thu nhập trung bình lên đến 4.100 Nhân dân tệ (năm 2012).

### **2. Ưu thế**

#### **2.1. Điều kiện địa lí, giao thông thuận lợi**

Thôn Trúc Giang thuộc sự quản lí của khu kinh tế du lịch Hoa Kiều thành phố Quế Lâm, nằm cách Quế Lâm 20km về phía Đông Nam, là điểm cuối của đại lộ du lịch cao cấp Quế Ma và tuyến đường chuyên du lịch Quế Trúc, đồng thời cũng là nơi đầu tiên mà ta ngắm nhìn cảnh

đẹp trên sông Li Giang- tiếp giáp với con đê Trúc Giang, mỗi năm đón hơn 4 triệu khách du lịch tới thăm quan và du ngoạn cảnh trên sông Ly Giang trải dài từ Quế Lâm tới Dương Sóc.

### **2.2. Phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp**

Thôn Trúc Giang là nơi khởi đầu cho chuyến du ngoạn cảm nhận vẻ đẹp dọc bờ sông Li Giang từ Quế Lâm tới Dương Sóc, bờ sông Li Giang dài gần 5 km. Phần lớn đất đai của thôn thuộc ven bờ sông Li Giang, địa thế đẹp vô cùng với sông xanh núi biếc, môi trường trong lành, phong cảnh xinh đẹp nên thơ, thêm vào đó là những thửa ruộng khu vườn với phong cách độc đáo rất có sức hút, bến cây sồi (bến Ô Cũ) quen thương cũng nằm trải dài bên bờ sông Li Giang, bốn mùa xuân hạ thu đông với cảnh sắc riêng của từng mùa. Mỗi khi thu đến, lá của cây ô cũ biến đỏ thì đó cũng là lúc số người đến nơi đây thăm thú trở nên đông đúc hơn. Đây cũng là điểm đến mà người dân Quế Lâm vô cùng yêu thích.

### **2.3. Môi trường sinh thái trong lành**

Thôn Trúc Giang vẫn giữ được phương thức canh tác truyền thống, mấy năm gần đây chính quyền địa phương ra quyết định cấm các phương thức sản xuất kinh tế của dân như khai thác khoáng sản mang tính tàn phá trên bến Ô Cũ hay chăn thả dê nói riêng và gia súc nói chung. Ngoài ra từng bước thay đổi và điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cải thiện và nâng cao kĩ thuật và kĩ năng trồng trọt, sản xuất nông nghiệp, chọn lọc các loại giống nông nghiệp tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao, không những góp phần cho môi trường xanh sạch mà còn mang lại thu nhập cao hơn cho người dân.

Ngày 28/11/2012, được sự đồng ý của Quốc vụ viện, “Kế hoạch phát triển điểm đến quốc tế Quế Lâm” đã được ban hành và chính thức xem Kế hoạch phát triển điểm đến quốc tế Quế Lâm là chiến lược quốc gia. Đây là một cơ hội vô cùng to lớn trong lịch sử phát triển của Quế Lâm từ nghìn năm tới nay. Thôn Trúc Giang thuộc khu du lịch nổi tiếng của Quế Lâm - điểm

thường ngoạn cảnh đẹp hai bên bờ sông Li Giang, với vị trí địa lí thuận lợi, phong cảnh xinh đẹp như vậy thì nhất định sẽ có được nhiều cơ hội phát triển. Nắm lấy thời cơ, xây dựng mô hình nông thôn mới, giải quyết tốt vấn đề “tam nông”... là những vấn đề mà chính quyền địa phương và thôn Trúc Giang phải đối diện.

### **3. Mục tiêu quy hoạch phát triển**

Căn cứ vào tình hình và điều kiện của địa phương, xuất phát từ 2 mục đích lâu dài và ngắn hạn, sẽ bắt đầu từ công tác cải tạo làng cũ; phân ra 2 giai đoạn ngắn hạn, dài hạn thực hiện. Đầu tiên sẽ xây dựng nội bộ thôn Trúc Giang thành khu giải trí nông thôn, khu thăm thú nông nghiệp, sau đó sẽ nâng lên thành những khu resort thương mại, những khu du lịch trong sạch với lượng cacbon thấp, và cuối cùng sẽ là sự phối hợp và liên kết của nút thắt Li Giang với Dương Sóc, hình thành khu kinh tế cảng khởi điểm, xây dựng khu nghỉ mát và du lịch mang tầm cỡ quốc tế kiểu mới với sự hợp nhất của giải trí văn hóa, giải trí thương mại (business resort), thể thao giải trí, giải trí nông thôn, thăm quan vùng nông nghiệp sinh thái, nghiên cứu phát triển và ngành dịch vụ du lịch tổng hợp...

Việc phát triển ngành dịch vụ lấy du lịch sinh thái làm hướng chủ đạo đã mang lại những thay đổi đáng vui mừng cho thôn Trúc Giang: từ cơ cấu ngành công nghiệp với phương thức sản xuất lấy việc chăn nuôi gia súc và trồng trọt các loại thực phẩm, cây nông nghiệp truyền thống là chủ yếu chuyển đổi sang cơ cấu ngành công nghiệp lấy ngành dịch vụ du lịch, khách sạn nhà hàng, trồng ươm các loại hoa với phương thức hiện đại làm hướng phát triển chủ đạo.

### **4. Những vấn đề còn tồn tại**

#### **4.1. Cơ sở kinh tế chưa đủ vững chắc, cơ cấu ngành công nghiệp còn lạc hậu**

Thôn Trúc Giang cho tới nay vẫn chưa có khu kinh tế tập thể thực chất và cũng chưa có ngành công nghiệp nào có thể giữ vai trò thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng. Người dân từ xưa

đến nay vẫn dựa vào việc trồng trọt và phát triển nông nghiệp truyền thống ở quy mô hộ gia đình là chủ yếu, số lao động dư thừa phần lớn sẽ kéo nhau ra tỉnh làm thêm hoặc kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ. Mặc dù chính quyền địa phương đã có những phương pháp mới thúc đẩy sản lượng tăng như sử dụng giống mới và áp dụng kĩ thuật khoa học mới, nhưng do cơ sở của ngành còn yếu kém nên ngành sản xuất nông nghiệp vẫn còn ở trình độ sơ đẳng, cơ cấu ngành vẫn tuân theo nguyên tắc mô hình cũ mà chưa có sự thay đổi trong phương thức sản xuất.

#### **4.2. Thôn xóm thiếu quy hoạch, năng lực giám sát và quản lí kém**

Thôn Trúc Giang cho đến nay vẫn chưa có một sự quy hoạch hoàn chỉnh nào và khu kinh tế du lịch Hoa Kiều Quế Lâm cũng chưa xây dựng được tổ chức quản lí việc xây dựng và quy hoạch thôn xóm, làng xã, cũng chẳng có nhân viên chuyên phụ trách quản lí về lĩnh vực đó, càng không cần phải nói tới các giấy tờ kiểm soát việc xây dựng và giám sát quy hoạch nữa. Dân trong thôn tự quyết việc xây dựng nhà ở mà không cần xin ý kiến và sự phê duyệt của các ban bộ ngành có liên quan, họ muốn xây thế nào thì xây, và còn khá tin sùng và mê tín thuyết “phong thủy”, thành ra những ngôi nhà mọc lên không cùng một hướng mà mặt đường ở đâu thì họ hướng nhà ra phía đó. Bố cục nhà ở không đồng đều và vô cùng hỗn loạn.

#### **4.3. Cơ sở hạ tầng đô thị thấp kém và lạc hậu, thiếu vốn đầu tư**

Trước năm 2004, thôn Trúc Giang xét về cơ bản thì chưa có bất cứ một cơ sở hạ tầng đô thị nào, giếng đào là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho người dân, đường xá nhiều vũng vịnh, không bằng phẳng. Nhưng từ năm 2004 đến nay, sau khi được chính quyền khu Thất Tinh-Quế Lâm tiếp quản, mỗi năm đều có đầu tư vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Cho đến nay cơ bản đã trải đường nhựa cho dân đi lại thuận tiện, hoàn thành công trình về nhu cầu sử dụng nước an toàn, phần lớn các hộ đều đã có nước

máy sạch sẽ an toàn để dùng. Tuy nhiên đầu tư vốn của Chính phủ có hạn, những vấn đề về cơ sở hạ tầng như vấn đề xử lí rác thải và nước thải, nhà vệ sinh công cộng, đèn đường... vẫn chưa thực hiện được.

#### **4.4. Ý thức phát triển và sử dụng triệt để đất nông nghiệp của người dân kém**

Người dân trong tư tưởng vẫn còn giữ ý thức tiểu nông “việc nhà ai nhà ấy lo”, không có hướng phát triển và tính đại cục. Nhu cầu của người dân về các vấn đề như làm đẹp môi trường sống, nâng cao chất lượng cuộc sống không cao, nước thải sinh hoạt không được xử lí triệt để, chăn thả gia súc không có quy hoạch và rác đổ bừa bãi... chính là căn nguyên của môi trường ô nhiễm, hôi thối, bẩn thỉu, bừa bãi lộn xộn.

Xây dựng nông thôn mới, cho dù là cải tạo hay xây dựng mới, đều có đề cập đến vấn đề sử dụng đất, đặc biệt là xây dựng làng mới, càng cần phải tiến hành tìm kiếm phương pháp chuyển đổi hợp nhất đất. Đất của thôn cơ bản được phân đến từng hộ gia đình, mỗi hộ có cách nghĩ của riêng mình, nhưng lợi ích của cá nhân thì đều được đặt lên hàng đầu, tính chính thể và tính toàn cục kém... gây trở ngại lớn cho phương pháp chuyển đổi hợp nhất đất.

#### **5. Phương thức và chiến lược phát triển**

##### **5.1. Đẩy mạnh tuyên truyền và dẫn dắt, thay đổi quan niệm và tư tưởng của dân**

Ý thức và tư tưởng là cơ sở, nền tảng cho xã hội phát triển. Vì vậy cần không ngừng nâng cao ý thức của người dân, thay đổi tư duy của họ; cất cử cán bộ, đại biểu nhân dân đến những thôn xóm, làng xã khác để chứng kiến sự phát triển của họ, thấy được thôn mình phát triển kém họ như thế nào, cách biệt ra sao, từ đó tuyên truyền tới người dân, khiến họ có cách nhìn khác đi về vai trò của phát triển; không ngừng nâng cao trình độ kinh tế, cải thiện môi trường sống, môi trường sản xuất; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về chính sách “tam nông” và chính sách ngũ bình đa hạng mục,

cũng như truyền truyền về thời cơ lịch sử hiếm có của dự án xây dựng điểm đến quốc tế Quế Lâm. Hơn thế nữa cần ra sức thi đua học hỏi, giao lưu, vận dụng có chọn lọc kinh nghiệm quản lý quý báu và trình độ khai thác tiên tiến của các thôn khác kết hợp với những đặc sắc của thôn mình, chú trọng yếu tố con người... bắt đầu từ những hành động thực tiễn giúp người dân hiểu được những lợi ích họ có thể hưởng được do phát triển đem lại.

### **5.2. Rót vốn vào nhiều hạng mục, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ phát triển**

Chính phủ tiến hành các hoạt động tuyên truyền và đề hướng chỉ đạo cho chính sách, nòng cốt là chính quyền thôn xã, thông qua sử dụng đất quay vòng, thành lập những khu kinh tế tập thể, ví dụ như hợp tác xã chuyên ngành về nông dân; triển khai mô hình kinh tế nông nghiệp quy mô hóa, chuyên sâu hóa và hiện đại hóa; giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất; giúp người dân ở trình độ nông dân cá thể dần dần đi lên trình độ công nhân ngành nông nghiệp, mang lại cho người dân thu nhập cao hơn. Từ đó, ý thức, quan niệm của họ cũng sẽ thay đổi. Cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống, áp dụng những biện pháp phù hợp với tình hình của thôn dựa vào nguồn tài nguyên của chính làng xã mình phát triển các ngành nghề như giải trí nông nghiệp, thăm thú du lịch. Trong tình trạng hạn hẹp về vốn, cần xin sự hỗ trợ từ Chính phủ, đồng thời tiến hành các hoạt động kêu gọi đầu tư đa nguyên hóa từ nhiều con đường; áp dụng mô hình quản lý kinh doanh tiên tiến có sử dụng vốn... Những cách làm trên không gì khác là nhằm đạt tới trình độ cao hơn trong ngành du lịch, sử dụng được triệt để nguồn tài nguyên vốn có của thôn, thu hút nguồn lao động dư thừa quay về đầu quân cho ngành dịch vụ của thôn.

### **5.3. Quy hoạch hợp lý khoa học, làm nổi bật bản sắc của thôn**

Tiến hành quy hoạch hợp lý và khoa học đối

với thôn Trúc Giang trước hết cần dựa vào những đặc điểm của nơi đây và làm nổi bật lên bản sắc của họ. Đặc điểm chủ yếu của hai thôn Trúc Giang thượng và Trúc Giang hạ là diện tích bến Ô Cữu rộng 800 mẫu, vì thế cần tập trung vào khai thác và phát triển điểm du lịch Ô Cữu; Xa Đầu hạ giáp với cảng Trúc Giang vì thế có thể dựa vào đặc điểm kinh tế cảng để phát triển những khu công nghiệp giống như mô hình kinh tế ở phố Tây (còn có tên khác là phố Thạch Bàn) Dương Sóc; thôn Sa Châu tuy nhỏ nhưng lại giáp với sông Li Giang, trong nhân dân có một bộ phận không nhỏ đã từng là ngư dân, vì thế có thể tạo dựng làng đánh cá. Phải hoàn thiện các dịch vụ công cộng, cơ sở vệ sinh môi trường và mạng lưới giao thông. Vấn đề về cung cấp và sử dụng nước cho người dân thôn Trúc Giang về cơ bản đã hoàn thành. Về giao thông, ngoài con đường cho dân đi vào thôn Sa Châu vẫn chưa được bê tông hóa ra, đường nhựa ở Trúc Giang và Xa Đầu hạ cơ bản đã hình thành. Tuy nhiên các cơ sở đô thị khác như vệ sinh công cộng, nước thải, xử lý rác và lắp đặt ánh sáng vẫn chưa được thực hiện. Phải hoàn thiện các cơ sở này thì mới có thể nâng cao được môi trường sống.

Hoàn thành mạng lưới giao thông cấp thôn với con đường thông suốt 3 thôn, chú trọng vào xây dựng con đường theo bến bờ sông Li Giang xuyên suốt cảng Trúc Giang với thôn Xa Đầu Hạ. Sau đó là hoàn thành con đường nối liền thôn Sa Châu tới bến Ô Cữu, để du khách có thể ngắm nhìn trực tiếp cảnh bến Ô Cữu. Và trên cơ sở vốn có tiến hành cải tạo và nâng cấp các con đường vào ngõ ngách của thôn, hình thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh. Làm đẹp thôn từ những chi tiết nhỏ nhất như trồng hoa cỏ, xây dựng công trình mang bản sắc riêng, trang trí mái hiên bờ tường bằng những loại cây phù hợp, góp phần làm đẹp thôn xóm, không khí trong lành và môi trường sống xanh sạch đẹp.

### **5.4. Hoàn thiện cơ chế tự trị của dân, cơ**

***cấu dịch vụ công cộng***

Chế độ dân chủ hoàn thiện là sự bảo đảm mang tính hợp pháp, sáng tỏ, pháp chế, tham gia và liêm khiết. Trên cơ sở tự quản của dân tăng cường quản lí và phát triển các công việc chung của thôn, bảo đảm tính công khai và dân chủ trong quản lí. Xem trọng con người và bảo đảm các quyền và lợi ích của người dân trong thôn, đề ra những luật lệ cho thôn mang tính khoa học và hợp lí, đẩy mạnh triển khai hoạt động văn minh tuyên truyền “làng mới, cuộc sống mới, phong cách mới”. Trong quá trình triển khai hoạt động sẽ không thể nào tránh khỏi mâu thuẫn giữa cá nhân với tập thể, giữa lợi ích cá nhân với lợi ích chung, vì vậy nhất thiết phải tuân theo nguyên tắc “công khai,

công bằng, công chính liêm minh” thì mới có thể phần nào giảm bớt được mâu thuẫn. Chính quyền cần tập trung vào giải quyết các vấn đề chung của thôn trong quá trình triển khai hành động, thành lập cơ quan chuyên giải quyết mọi vấn đề cho thôn, ra sức vì dân phục vụ, ví dụ như xây dựng phát triển công nghiệp, cung cấp thông tin kĩ thuật, văn hóa giáo dục, vệ sinh an toàn, cơ sở và tình hình dưỡng lão ở thôn cũng như các vấn đề khi tiêu thụ lẻ sản phẩm...

**Luu Minh Lâm** - Viện nghiên cứu Đô thị  
nông thôn Trung Quốc  
*Nguồn: Tạp chí Đô thị và nông thôn số 11*  
*năm 2013*  
**ND: Quỳnh Anh**



# LỄ RA MẮT VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ



Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia Đỗ Thanh Tùng phát biểu nhậm chức